

**NGHỊ QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên  
Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2023**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/7/2021;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ngày 20 tháng 4 năm 2023.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, Kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022, với các nội dung chính như sau:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH (điều chỉnh)	Tỷ lệ TH2022/TH2021
				ĐHĐCĐ phê duyệt	Điều chỉnh			
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	864,45	860,00	764,25	824,87	108%	95%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	846,24	843,00	749,24	808,97	108%	96%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,21	17,00	15,01	15,90	106%	87%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,93	15,00	12,82	13,69	107%	86%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,31	12,30	10,50	12,82	122%	104%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH (điều chỉnh)	Tỷ lệ TH2022/TH2021
				ĐHĐCD phê duyệt	Điều chỉnh			
6	Công tác đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	1,30	71,0	5,0	-	-	-
7	Lao động BQ	Người	323	330	315	313	99%	97%
8	NSLĐBQ tính theo DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/ng/tháng	12,738	11,900	10,919	11,730	107%	92%
9	Tiền lương bình quân NLĐ	Tr.đồng/ng/tháng	7,407	6,918	6,301	6,769	107%	91%

## 1.2 Kế hoạch SXKD năm 2023

### a) Nhiệm vụ kế hoạch

Bám sát các nội dung, định hướng phát triển Công ty theo chỉ đạo của Công ty Mẹ (BSR) để triển khai, quyết tâm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023.

#### a1. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì:

- Vận hành sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để tăng hiệu quả đối với các dòng sản phẩm hiện có;

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ, đánh giá, dự báo tình trạng hoạt động của dây chuyền, thiết bị để làm cơ sở lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa cũng như đề xuất các cơ hội đầu tư nâng cấp, cải tiến một cách hiệu quả với chi phí tối ưu;

- Tập trung nghiên cứu để có sản phẩm bao tráng màng thay thế bao PP lồng PE đóng gói bao nông sản. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường bao PE 3 lớp để làm cơ sở đề xuất mở rộng đầu tư sản xuất sản phẩm bao PE 3 lớp;

- Không ngừng nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có và tăng cường nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ để nâng cao năng suất lao động, tính an toàn, ổn định hoạt động của thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao về số lượng, chất lượng sản phẩm.

#### a2. Hoạt động thương mại:

- Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng;

- Xác định rõ ngưỡng tiêu thụ hạt nhựa PP tối đa ở mức nào để làm việc với nhà sản xuất trong việc gia tăng tiêu thụ sản phẩm, ưu tiên hướng đến khách hàng trực tiếp sản xuất;



- Tìm kiếm thêm thị trường cho sản phẩm Pallet để gia tăng tiêu thụ và hiệu quả cho Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch cả năm.

*a3. Dịch vụ hậu cần:*

- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục duy trì các hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết trong năm. Thực hiện rà soát tất cả các khoản mục chi phí, thực hành tiết kiệm nhằm hạn chế tối đa chi phí cho Công ty;

- Củng cố, nâng cao năng lực bộ phận chuyên môn, bám sát, nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường để triển khai làm tốt hồ sơ dự thầu cũng như triển khai thực hiện các gói thầu cung cấp dịch vụ cho BSR và các đơn vị khác với tiến độ, chất lượng đúng cam kết, có hiệu quả cao;

- Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có của Công ty.

**b) Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2023**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	824,9	766,5
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	809,0	749,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,9	17,4
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,7	15,3
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,8	13,3
6	Đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	-	3,00
7	Lao động BQ	Người	313	310
8	NSLĐBQ tính theo DT trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng/người/tháng	11,730	13,136
9	Tiền lương bình quân NLĐ	Triệu đồng/người/tháng	6,769	7,580

**1.3 Phê duyệt tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2022:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Khoản mục	Kế hoạch 2022 (điều chỉnh)	Thực hiện 2022	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương Người quản lý chuyên trách	2.303,67	2,576,32	Tăng tiền lương và thù lao do lợi nhuận

2	Quỹ thù lao của Người quản lý không chuyên trách	143,65	160,65	thực hiện vượt kế hoạch
---	--	--------	--------	-------------------------

1.4 Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2022:

Đơn vị tính: Đồng

<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>13.690.316.087</b>
<b>1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b> (tương đương 2,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)	<b>4.239.165.970</b>
<b>2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ</b> (1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý)	<b>322.040.153</b>
<b>3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)</b>	<b>9.129.109.964</b>
- Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	7.601.016.964
- Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	286.550.000
- Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.241.543.000

\* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 5,21%

1.5 Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số người bình quân	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	7,75	3.077,5	
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	2,00	145,68	

1.6 Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>15.252,77</b>
<b>1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b> (tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân của người lao động)	3.396,25
<b>2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ</b> (01 tháng tiền lương bình quân của người quản lý)	256,46
<b>3. Lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ vốn góp</b> (Lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ)	<b>11.600,06</b>

\* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,62%



1.7 Thông qua Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như nội dung Tờ trình của Ban kiểm soát;

1.8 Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (có các Dự thảo sửa đổi bổ sung kèm theo)

1.9 Chấp thuận việc ký kết hợp đồng với người có liên quan (có dự thảo hợp đồng và nội dung chủ yếu kèm theo).

**Điều 2.** Nghị quyết này được thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với 16.790.884 phiếu tán thành, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tương đương 95,83 % tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

Các ông/bà Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Trưởng cấp phòng Công ty, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, Thư ký.



**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Tuấn Anh**



**BIÊN BẢN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
Trụ sở chính: Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn,  
tỉnh Quảng Ngãi.

Mã số doanh nghiệp: 4300429492.

Đại hội khai mạc vào lúc 08 giờ 30 ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

**Đoàn Chủ tịch Đại hội:**

- Ông Phạm Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa Đại hội;
- Ông Trần Xuân Thu – Thành viên HĐQT, Giám đốc;
- Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên HĐQT;
- Bà Hà Thị Hoa – Thành viên HĐQT.

**Thư ký Đại hội:**

- Ông Lê Xuân Huy – Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty.

**Thành phần tham dự:**

**Đại biểu mời:**

- Bà Nguyễn Thị Hương Lam, Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng Tài chính Đảng thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

- Ông Khương Lê Thành, Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc - Hóa dầu Bình Sơn.

**Cổ đông và đại diện cổ đông tham dự:**

Đại diện của 02 cổ đông pháp nhân (Công ty cổ phần Lọc – Hóa dầu Bình Sơn, Khách sạn Cẩm Thành) và các cổ đông cá nhân với tỷ lệ tham dự 95,83 % cổ phần có quyền biểu quyết.

**Ban kiểm soát:**

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy – Trưởng Ban;
- Ông Phan Bá Công – Thành viên;
- Bà Phạm Thị Thanh Thảo – Thành viên.



## NỘI DUNG ĐẠI HỘI

**1. Ông/bà Phạm Thị Thanh Thảo** báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội, cụ thể:

1.1 Ông Phạm Tuấn Anh – Người đại diện phần vốn của BSR tại PV Building với số cổ phiếu 6.132.800 chiếm 35% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.2 Ông Trần Xuân Thu – Người đại diện phần vốn của BSR tại PV Building với số cổ phiếu 5.256.685 chiếm 30% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.3 Ông Lê Xuân Sơn – Người đại diện phần vốn của BSR tại PV Building với số cổ phiếu 3.199.799 chiếm 18,26% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.4 Bà Hà Thị Hoa – Cổ đông và là đại diện biểu quyết của 39 cổ đông cá nhân với số cổ phiếu 1.418.600 chiếm tỷ lệ 8,10% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.5 Bà Nguyễn Thị Hương Lam – Người đại diện phần vốn của Khách sạn Cẩm Thành thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi số cổ phiếu 550.000 chiếm tỷ lệ 3,14% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.6 Cổ đông cá nhân (18 cổ đông) với số cổ phiếu 2.330 chiếm tỷ lệ 1,33% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Tỷ lệ cổ đông và đại diện cổ đông có mặt tại Đại hội đạt 95,83% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty – đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

**2. Bà Hà Thị Hoa** - Trình bày Quy chế Đại hội và Chương trình Đại hội

**3. Ông Trần Xuân Thu** – Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023 (có Báo cáo đính kèm).

**4. Ông Phạm Tuấn Anh** - Trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị (có Báo cáo đính kèm).

**5. Ông Nguyễn Tấn Phát** – Kế toán trưởng thừa ủy nhiệm của Công ty PWC, trình bày Báo cáo kiểm toán độc lập và trình bày Tờ trình xin phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (có Báo cáo tài chính đính kèm).

**6. Bà Đỗ Thị Phương Thủy** – Trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty (có Báo cáo và Tờ trình đính kèm).

**7. Bà Hà Thị Hoa** – Trình bày:

- Tờ trình về việc xin phê duyệt tiền lương, thù lao cán bộ quản lý;
- Tờ trình xin phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế

**8. Ông Lê Xuân Sơn** – Trình bày:

- Tờ trình xin thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

- Tờ trình xin chấp thuận ký kết hợp đồng với người có liên quan.

## 9. Phát biểu của cổ đông và đại diện các cổ đông:

Tổng hợp ý kiến của cổ đông và đại diện cổ đông

- Công ty cần nghiên cứu từng bước mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trình các cổ đông phê duyệt, hướng đến mở rộng lĩnh vực kinh doanh thương mại; làm tốt công tác phát triển thị trường phân phối sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhất là sản phẩm mới. Chú trọng đối tượng khách hàng ngoài BSR trong dịch vụ hậu cần nói riêng và các lĩnh vực khác; phát huy nội lực và khả năng hiện có để đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ;

- Cần khẩn trương xây dựng và ban hành cơ chế chi trả thu nhập cho người lao động vừa đảm bảo đúng quy định vừa theo hướng thu nhập phụ thuộc vào mức đóng góp của từng cá nhân cụ thể nhằm khuyến khích người lao động có năng lực gắn bó hơn với Công ty;

- Tập thể lãnh đạo và toàn thể người lao động tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí trên tất cả các lĩnh vực hoạt động để tăng năng lực cạnh tranh của Công ty; đề nghị cán bộ, người lao động Công ty phát huy toàn diện sức mạnh nội bộ để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội lần này và đề xuất các giải pháp cụ thể để phát triển Công ty trong thời gian đến;

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi tên Công ty phù hợp với định hướng phát triển và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

## 10. Đại hội thảo luận và thông qua:

10.1. Báo cáo Kết quả SXKD năm 2022; Kế hoạch nhiệm vụ năm 2023 và Báo cáo HĐQT (có các Báo cáo đính kèm) với các chỉ tiêu cơ bản:

a) Kết quả SXKD năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH (điều chỉnh)	Tỷ lệ TH2022/TH2021
				ĐHĐCĐ phê duyệt	Điều chỉnh			
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	864,45	860,00	764,25	824,87	108%	95%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	846,24	843,00	749,24	808,97	108%	96%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,21	17,00	15,01	15,90	106%	87%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,93	15,00	12,82	13,69	107%	86%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,31	12,30	10,50	12,82	122%	104%
6	Công tác đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	1,30	71,0	5,0	-	-	-
7	Lao động BQ	Người	323	330	315	313	99%	97%
8	NSLĐBQ tính theo DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/ng/tháng	12,738	11,900	10,919	11,730	107%	92%



Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH (điều chỉnh)	Tỷ lệ TH2022/TH2021
				ĐHĐCĐ phê duyệt	Điều chỉnh			
9	Tiền lương bình quân NLĐ	Tr.đồng/ng/tháng	7,407	6,918	6,301	6,769	107%	91%

**Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**b) Kế hoạch SXKD năm 2023:**

**b1. Nhiệm vụ kế hoạch**

Bám sát các nội dung, định hướng phát phát triển Công ty theo chỉ đạo của Công ty Mẹ (BSR) để triển khai, quyết tâm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023.

**Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì:**

- Vận hành Phân xưởng sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để tăng hiệu quả đối với các dòng sản phẩm hiện có;

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ, đánh giá, dự báo tình trạng hoạt động của dây chuyền, thiết bị để làm cơ sở lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa cũng như đề xuất các cơ hội đầu tư nâng cấp, cải tiến một cách hiệu quả với chi phí tối ưu;

- Tập trung nghiên cứu để có sản phẩm bao tráng màng thay thế bao PP lồng PE đóng gói bao nông sản. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường bao PE 3 lớp để làm cơ sở đề xuất mở rộng đầu tư sản xuất sản phẩm bao PE 3 lớp;

- Không ngừng nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có và tăng cường nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ để nâng cao năng suất lao động, tính an toàn, ổn định hoạt động của thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao về số lượng, chất lượng sản phẩm.

**Hoạt động thương mại:**

- Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng;

- Xác định rõ ngưỡng tiêu thụ hạt nhựa PP tối đa ở mức nào để làm việc với nhà sản xuất trong việc gia tăng tiêu thụ sản phẩm, ưu tiên hướng đến khách hàng trực tiếp sản xuất;

- Tìm kiếm thêm thị trường cho sản phẩm Pallet để gia tăng tiêu thụ và hiệu quả cho Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch cả năm.

**Dịch vụ hậu cần:**

- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục duy trì các hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết trong năm. Thực hiện rà soát tất cả các khoản mục chi phí, thực hành tiết kiệm nhằm hạn chế tối đa chi phí cho Công ty;

- Củng cố, nâng cao năng lực bộ phận chuyên môn, bám sát, nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường để triển khai làm tốt hồ sơ dự thầu cũng như triển khai thực hiện các gói thầu cung cấp dịch vụ cho BSR và các đơn vị khác với tiến độ, chất lượng đúng cam kết, có hiệu quả cao;

- Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có của Công ty.

**b2. Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2023**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đvt</b>	<b>Thực hiện 2022</b>	<b>Kế hoạch 2023</b>
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	824,9	766,5
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	809,0	749,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,9	17,4
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,7	15,3
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,8	13,3
6	Đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	-	3,0
7	Lao động BQ	Người	313	310
8	NSLĐBQ tính theo DT trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng/người/tháng	11,730	13,136
9	Tiền lương bình quân NLĐ	Triệu đồng/người/tháng	6,769	7,580

**Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;



- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

10.2 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (có Báo cáo đính kèm)

**Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

10.3 Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát và phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính bán niên/năm 2023 của Công ty (có Báo cáo và Tờ trình đính kèm)

**Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

10.4 Phê duyệt tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Kế hoạch 2022 (điều chỉnh)	Thực hiện 2022	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương Người quản lý chuyên trách	2.303,67	2,576,32	Tăng tiền lương và thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch
2	Quỹ thù lao của Người quản lý không chuyên trách	143,65	160,65	

**Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

### 10.5 Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2022:

Các cổ đông thảo luận và biểu quyết phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>13.690.316.087</b>
<b>1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b> (tương đương 2,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)	<b>4.239.165.970</b>
<b>2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ</b> (1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý)	<b>322.040.153</b>
<b>3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)</b>	<b>9.129.109.964</b>
- Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	7.601.016.964
- Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	286.550.000
- Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.241.543.000

\* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 5,21%

#### **Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

### 10.6 Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số người bình quân	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	<b>7,75</b>	<b>3.077,5</b>	
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	<b>2,00</b>	<b>145,68</b>	

Hội đồng quản trị quy định mức chi tiền lương và thù lao kiêm nhiệm cho từng chức danh cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định của Nhà nước và cấp thẩm quyền.

#### **Kết quả biểu quyết:**



- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

10.7 Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	15.252,77
<b>1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b> (tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân của người lao động)	3.396,25
<b>2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ</b> (01 tháng tiền lương bình quân của người quản lý)	256,46
<b>3. Lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ vốn góp</b> (Lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ)	<b>11.600,06</b>

\* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,62%

#### **Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

10.8 Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo đề nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình số 08/TTr-HĐQT-PVBLD ngày 19/4/2023. (có các Dự thảo sửa đổi bổ sung kèm theo):

#### **Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

10.9 Chấp thuận việc ký kết hợp đồng với người có liên quan theo đề nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình số 09/TTr-HĐQT-PVBLD ngày 19/4/2023 (có dự thảo hợp đồng và nội dung chủ yếu kèm theo).

### **Kết quả biểu quyết:**

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 2.201.600 phiếu, tương đương 75% tổng số phiếu của Công ty có quyền biểu quyết nội dung này là 2.933.000 phiếu; theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật DN 2020, Cổ đông BSR có lợi ích liên quan đến giao dịch này đang sở hữu 14.589.284 phiếu không có quyền biểu quyết nội dung này;

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 2.201.600 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0,00% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

### **11. Thông qua Biên bản, Nghị quyết và bế mạc Đại hội.**

Ông **Lê Xuân Huy** - Thư ký Đại hội trình bày toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí, với các nội dung quyết nghị đã được ghi nhận tại Mục 8 của Biên bản này.

Ông **Phạm Tuấn Anh** - Thay mặt Đoàn Chủ tịch điều hành phần biểu quyết và Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; kết quả:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 16.790.884 phiếu, tương đương 95,83% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 16.790.884 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0 % phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**12. Ông Phạm Tuấn Anh** – Phát biểu bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí vào lúc 11 giờ 45 phút ngày 20/4/2023.

Biên bản Đại hội có 09 (chín) trang được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt; lưu tại Văn phòng Công ty (Văn thư và Thư ký Công ty); Biên bản được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ([www.pvbuilding.com.vn](http://www.pvbuilding.com.vn)) và công bố thông tin theo quy định.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Lê Xuân Huy**

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Tuấn Anh**



**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022,**  
**KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 14/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Ban điều hành Công ty đã tập trung triển khai, đưa ra nhiều giải pháp nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch Covid 19 toàn cầu và căng thẳng, xung đột quân sự tại Châu Âu làm gián đoạn chuỗi cung ứng, giá cả biến động, khó dự báo, lạm phát tăng làm giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng.

Trước tình hình đó, Ban điều hành đã trình và được Hội đồng quản trị chấp thuận điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT-PVBLD ngày 30/12/2022. Ban điều hành kính báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

**PHẦN I**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022**

**1. Thuận lợi, khó khăn**

**a) Thuận lợi:**

- Nền kinh tế Việt Nam phục hồi và tăng trưởng cao trong năm 2022;
- Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao, định hướng kịp thời của Công ty Mẹ (BSR);
- Hệ thống quản trị của Công ty ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, góp phần duy trì hiệu quả điều hành hoạt động SXKD của PV Building.

**b) Khó khăn:**

- Chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới và chính sách cấm vận của Phương Tây đối với Nga làm chuỗi cung ứng bị gián đoạn, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, số lượng đơn đặt hàng sản xuất bao bì nông sản giảm mạnh;

- Lạm phát, suy thoái tại các nền kinh tế lớn như EU, Mỹ làm cho nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng giảm, tỷ giá tăng, giá hạt nhựa biến động mạnh. Mặt khác, suy thoái kinh tế làm cho các dự án tại khu kinh tế Dung Quất ngừng/chậm triển khai, dẫn đến dịch vụ lưu trú của Công ty giảm;

- Phân xưởng sản xuất bao bì đã có thời gian vận hành trên 10 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo nếu không được duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, liên tục dẫn tới chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng.

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2022 được trình bày như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % TH/KH 2022	Tỷ lệ % TH2022/TH2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	864,45	764,25	824,87	108%	95%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	846,24	749,24	808,97	108%	96%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,21	15,01	15,90	106%	87%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,93	12,82	13,69	107%	86%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,31	10,50	12,82	122%	104%

➤ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 824,87 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch năm 2022 và bằng 95% so với năm 2021;

➤ Lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 15,90 tỷ đồng, hoàn thành 106% kế hoạch và bằng 87% so với năm 2021;

➤ Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 13,69 tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch và bằng 86% so với năm 2021;

➤ Nộp ngân sách nhà nước thực hiện đạt 12,82 tỷ đồng, hoàn thành 122% kế hoạch và bằng 104% so với năm 2021.

## 3. Kết quả thực hiện từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh

### 3.1. Sản xuất kinh doanh bao bì:

Kết quả sản lượng tiêu thụ sản phẩm bao bì và doanh thu thực hiện năm 2022 được trình bày như bảng dưới đây:



TT	Sản phẩm	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % TH/KH 2022	Tỷ lệ % TH2022/TH2021
<b>I</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>						
1	Bao nông sản	Tr. bao	3,95	2,94	2,86	97%	72%
2	Mành PP tráng màng	Tr. mét	18,00	9,96	11,63	117%	65%
3	Bao PE 3 lớp	Tr. bao	7,38	6,61	6,61	100%	90%
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>110,12</b>	<b>94,13</b>	<b>94,68</b>	<b>101%</b>	<b>86%</b>
1	Bao nông sản	Tỷ đồng	24,17	19,01	18,53	98%	77%
2	Mành PP tráng màng	Tỷ đồng	12,10	6,84	7,87	115%	65%
3	Bao PE 3 lớp	Tỷ đồng	73,85	68,28	68,27	100%	92%

**a) Về sản lượng tiêu thụ:**

➤ Đối với dòng Bao nông sản: Sản lượng tiêu thụ đạt 2,86 triệu bao, hoàn thành 97% kế hoạch năm và bằng 72% so với năm 2021;

➤ Đối với Mành PP tráng màng: Sản lượng tiêu thụ đạt 11,63 triệu mét, đạt 117% kế hoạch năm nhưng chỉ bằng 65% so với năm 2021;

➤ Đối với dòng Bao PE 3 lớp: Cung cấp cho NMLD Dung Quất được duy trì sản lượng theo hợp đồng, sản lượng tiêu thụ đạt 6,61 triệu bao, đạt 100% kế hoạch và bằng 90% năm 2021.

**b) Về doanh thu:** Doanh thu lĩnh vực bao bì đạt 94,68 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch, trong đó:

➤ Doanh thu dòng Bao nông sản đạt 18,53 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch; bằng 77% so với năm 2021;

➤ Doanh thu Mành PP tráng màng đạt 7,87 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch; bằng 65% so với năm 2021;

➤ Doanh thu Bao PE 3 lớp đạt 68,27 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; bằng 92% so với năm 2021.

**3.2. Hoạt động thương mại:**

Kết quả về sản lượng tiêu thụ sản phẩm và doanh thu hoạt động thương mại thực hiện năm 2022 được trình bày như bảng dưới đây:



TT	Sản phẩm thương mại	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % TH/KH 2022	Tỷ lệ % TH2022/TH2021
I	Sản lượng tiêu thụ						
1	Hạt nhựa PP	Nghìn tấn	21,07	19,15	22,48	117%	107%
2	Pallet gỗ	Nghìn cái	131,00	113,00	118,00	104%	90%
II	Doanh thu	Tỷ đồng	662,14	580,56	642,33	111%	97%
1	Hạt nhựa PP	Tỷ đồng	617,02	541,02	601,10	111%	97%
2	Pallet gỗ	Tỷ đồng	44,50	38,35	40,04	104%	90%
3	Bao Jumbo	Tỷ đồng	0,62	1,19	1,19	100%	192%

**a) Về sản lượng tiêu thụ:**

➤ Sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP đạt 22,48 nghìn tấn, đạt 117% kế hoạch và bằng 107% so với năm 2021.

➤ Sản lượng tiêu thụ Pallet gỗ đạt 118 nghìn cái, đạt 104% kế hoạch và bằng 90% so với năm 2021.

**b) Về doanh thu:**

Doanh thu hoạt động thương mại năm 2022 đạt 642,33 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch, bằng 97% so với năm 2021, trong đó:

➤ Doanh thu hạt nhựa PP đạt 601,1 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch và bằng 97% so với năm 2021;

➤ Doanh thu Pallet gỗ đạt 40,04 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch và bằng 90% so với năm 2021;

➤ Doanh thu bao Jumbo đạt 1,19 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch và bằng 192% so với năm 2021.

**3.3. Dịch vụ hậu cần:**

Kết quả doanh thu kinh doanh dịch vụ hậu cần thực hiện năm 2022 như sau:

Stt	Doanh thu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % TH/KH 2022	Tỷ lệ % TH2022/TH2021
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	34,14	21,54	21,43	100%	63%
2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	32,56	34,02	34,04	100%	105%
3	Dịch vụ hậu cần khác (Giặt là; Nhà hàng ; cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, chăm sóc cây xanh, cho thuê kho, hỗ trợ hành chính, tổ chức sự kiện, xây dựng...)	Tỷ đồng	20,58	28,38	26,84	95%	130%
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tỷ đồng</b>	<b>87,28</b>	<b>83,94</b>	<b>82,31</b>	<b>98%</b>	<b>94%</b>

lde

- Năm 2022, doanh thu dịch vụ hậu cần đạt 82,31 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch và bằng 94% so với năm 2021, trong đó cụ thể:

➤ *Doanh thu Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà trong năm 2022 đạt 21,43 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch và bằng 63% so với năm 2021;*

➤ *Doanh thu dịch vụ vận chuyên đạt 34,04 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch và bằng 105% so với năm 2021;*

➤ *Doanh thu các dịch vụ hậu cần khác trong năm 2022 đạt 26,84 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch và bằng 130% so với năm 2021.*

#### 4. Công tác đầu tư mua sắm tài sản

Hạng mục đầu tư mua sắm tài sản kế hoạch năm 2022 là Kho chứa nguyên vật liệu với tổng mức đầu tư được duyệt là 5 tỷ đồng. Tuy nhiên, dự án đã dừng triển khai trong năm 2022.

#### 5. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn bộ người lao động. Công ty triển khai có hiệu quả trong việc sử dụng vốn; tiết giảm hợp lý chi phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, nguyên liệu phục vụ sản xuất...

Trong bối cảnh tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế đến hầu hết các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhờ thực hiện hiệu quả công tác tiết giảm chi phí, cùng với nỗ lực phát triển thị trường, Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao, từng bước ổn định tổ chức, cố gắng duy trì lợi nhuận cho cổ đông.

#### 6. Công tác nhân sự, đào tạo

##### 6.1. Tình hình nhân sự, tiền lương:

Kết quả thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của người lao động và người quản lý năm 2022 được trình bày như bảng dưới đây:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % TH/KH 2022	Tỷ lệ % TH2022/TH2021
1	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người	323	315	313	99%	97%
2	Tiền lương bình quân	Tr.đồng /tháng	7,407	6,301	6,769	107%	91%
3	Năng suất lao động bình quân tính theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng /tháng	12,738	10,919	11,730	107%	92%
4	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng	28.708	23.816	25.423	107%	89%



TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % TH/KH 2022	Tỷ lệ % TH2022/TH2021
5	Quỹ tiền lương người quản lý chuyên trách	Tr.đồng	2.240	2.304	2.576	112%	115%
6	Quỹ thù lao người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng	216	144	161	112%	74%

➤ Tổng lao động làm việc tại Công ty tính đến 31/12/2022 là 311 người, số lao động bình quân trong năm là 313 người. Tiền lương bình quân năm 2022 của người lao động đạt 6,77 triệu đồng/tháng, tăng 7% so với kế hoạch nhưng chỉ bằng 91% so với năm 2021.

➤ Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương) đạt 11,73 triệu đồng/tháng, tăng 7% so với kế hoạch nhưng chỉ bằng 92% so với năm 2021.

➤ Số lượng người quản lý chuyên trách bình quân là 6,83 người, quỹ tiền lương của người quản lý Công ty thực hiện đạt 112% kế hoạch và bằng 115% năm 2021 (do tăng số lượng NQL bình quân so với năm 2021 là 5,46 người).

## 6.2. Công tác đào tạo

Trong năm 2022, Công ty thường xuyên cử CBCNV tham gia các đợt tập huấn nghiệp vụ như: Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; quản trị Công ty đại chúng; tập huấn về Luật Chứng khoán, Luật Đấu thầu; nghiệp vụ lao động tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động; nghiệp vụ bảo vệ, phòng chống cháy nổ và tìm kiếm cứu nạn; nghiệp vụ tài chính - kế toán; nghiệp vụ kinh doanh vận tải đường bộ, tập huấn nghiệp vụ lái xe; nghiệp vụ kỹ thuật côn trùng và xử lý hóa chất chế phẩm diệt côn trùng.

## 7. Công tác khác

### 7.1. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường

Công tác đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường luôn được thực hiện tốt. Công ty đã có mạng lưới an toàn vệ sinh viên hoạt động có hiệu quả, trong năm không có tai nạn lao động, không có sự cố cháy nổ xảy ra; đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid 19 bùng phát, toàn bộ người lao động đã tích cực thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác phòng chống lụt bão cũng được Công ty thực hiện tốt góp phần giảm thiểu các tổn thất trong mùa mưa bão.

### 7.2. Công tác đoàn thể, an sinh xã hội

Trong năm 2022, bên cạnh công tác chăm lo đời sống, tinh thần cho bản thân CBCNV, thăm hỏi động viên người lao động có hoàn cảnh khó khăn, Công đoàn Công ty cũng đã động viên, khen thưởng con CBCNV đạt thành tích cao trong năm học 2021-2022 nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu nhằm

1.11



khích lệ động viên tinh thần cũng như thể hiện sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo đến con CBCNV Công ty; ngoài ra các đoàn thể Công ty đã kịp thời công tác thăm hỏi, động viên gia đình CBCNV có người thân bị bệnh hiểm nghèo...

Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty đã tổ chức thành công Hội thao PV Building trong tháng 5 năm 2022 với sự tham gia rất nhiệt tình của các vận động viên-người lao động, qua đó đã khơi dậy tinh thần đoàn kết, rèn luyện sức khỏe làm cho người lao động thỏa mái, hăng hái công tác, gắn bó lâu dài với Công ty.

## II. TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Xuất phát từ tình hình thực tiễn của Công ty và những tác động khách quan nhất là ảnh hưởng hậu Covid-19; sự suy giảm mạnh doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh (dịch vụ lưu trú, chăm sóc cây xanh, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bao bì...) càng bộc lộ rõ hơn những hạn chế như: Không phát huy được hết nguồn lực, lao động hiện có, hệ thống dây chuyền công nghệ của phân xưởng còn lạc hậu...

Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp trong năm qua bước đầu đã triển khai thực hiện, cụ thể:

### 1. Cơ cấu ngành nghề, thị trường sản phẩm và dịch vụ:

Công ty xác định các hoạt động SXKD chính:

+ Sản xuất bao bì: Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì để đáp ứng tốt nhất yêu cầu về chất lượng, giá thành của thị trường.

+ Hoạt động thương mại: Đầu tư, nghiên cứu thị trường bán lẻ và xây dựng hệ thống bán hạt nhựa PP.

+ Cung cấp dịch vụ: Xây dựng đội ngũ nhân viên theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp nhằm đem lại sự hài lòng nhất cho các khách hàng sử dụng các dịch vụ của công ty.

### 2. Tái cấu trúc tổ chức, nguồn nhân lực:

Công ty tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định (Cơ cấu tổ chức công ty, xây dựng định biên lao động theo từng lĩnh vực hoạt động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp... ) để từng bước thiết lập cơ cấu tổ chức tinh gọn, bao gồm đầy đủ tính tuân thủ, kỷ luật, văn hóa doanh nghiệp với lực lượng lao động đạt chuẩn phù hợp.



ll



## PHẦN II

### KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như dự kiến những hoạt động phát sinh trong năm 2023, PV Building xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023, cụ thể như sau:

#### 1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Kịch bản giá dầu thô: 70 USD/bbl; Tỷ giá: 23.500 VNĐ/USD;
- Kế hoạch sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP, Pallet gỗ và bao PE 3 lớp: Theo dự báo tình hình thị trường;
- Giá kế hoạch của các sản phẩm bao bì, hạt nhựa PP được tính theo mức giá đầu vào của hạt nhựa PP và phụ phí;
- Thời gian khấu hao tài sản được tính theo phương pháp đường thẳng đúng với quy định hiện hành của Bộ Tài chính;
- Doanh thu hoạt động dịch vụ căn cứ vào tình hình thị trường tại thời điểm lập báo cáo, và có tính đến dự báo tương lai trong năm 2023.

#### 2. Nhiệm vụ kế hoạch

Bám sát các nội dung, định hướng phát triển Công ty theo chỉ đạo của Công ty Mẹ (BSR), quyết tâm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

##### 2.1. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì:

- Vận hành Phân xưởng sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để tăng hiệu quả đối với các dòng sản phẩm hiện có;
- Theo dõi, giám sát chặt chẽ, đánh giá, dự báo tình trạng hoạt động của dây chuyền, thiết bị để làm cơ sở lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa cũng như đề xuất các cơ hội đầu tư nâng cấp, cải tiến một cách hiệu quả với chi phí tối ưu;
- Tập trung nghiên cứu để có sản phẩm bao tráng màng thay thế bao PP lồng PE đóng gói bao nông sản. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường bao PE 3 lớp để làm cơ sở đề xuất mở rộng đầu tư sản xuất sản phẩm bao PE3 lớp;
- Không ngừng nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có và tăng cường nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ để nâng cao năng suất lao động, tính an toàn, ổn định hoạt động của thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về số lượng, chất lượng sản phẩm.

## 2.2. Hoạt động thương mại:

- Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng;

- Xác định rõ ngưỡng tiêu thụ hạt nhựa PP tối đa ở mức nào để làm việc với nhà sản xuất trong việc gia tăng tiêu thụ sản phẩm, ưu tiên hướng đến khách hàng trực tiếp sản xuất;

- Tìm kiếm thêm thị trường cho sản phẩm Pallet để gia tăng tiêu thụ và hiệu quả cho Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch cả năm.

## 2.3. Dịch vụ hậu cần:

- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục duy trì các hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết trong năm. Thực hiện rà soát tất cả các khoản mục chi phí, thực hành tiết kiệm nhằm hạn chế tối đa chi phí cho Công ty;

- Củng cố, nâng cao năng lực bộ phận chuyên môn, bám sát, nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường để triển khai công tác dự thầu cũng như triển khai thực hiện các gói thầu cung cấp dịch vụ cho BSR và các đơn vị khác với tiến độ, chất lượng đúng cam kết, có hiệu quả cao;

- Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có của Công ty.

## 3. Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

### 3.1. Chỉ tiêu tài chính:

Stt	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ % KH2023/ TH2022
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	190,6	191,5	101%
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>175,2</i>	<i>175,2</i>	<i>100%</i>
	<i>Tỷ lệ tham gia của BSR</i>	<i>%</i>	<i>83,3</i>	<i>83,3</i>	<i>100%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	824,9	766,5	93%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,9	17,4	110%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,7	15,3	111%
5	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,2%	8,0%	111%



Stt	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ % KH2023/TH2022
6	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	4,6%	5,1%	113%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5,7%	6,6%	117%
8	Hệ số nợ/Vốn điều lệ	Lần	0,6	0,6	100%
9	Chia cổ tức cho BSR	Tỷ đồng	8,3	9,7	117%
10	Nộp NSNN	Tỷ đồng	12,8	13,3	104%

### 3.2. Chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ:

Stt	Chỉ tiêu sản lượng	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ % KH2023/TH2022
1	Bao nông sản	Triệu bao	2,86	3,28	115%
2	Mành PP tráng màng	Triệu mét	11,63	11,04	95%
3	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	6,61	6,60	100%
4	Hạt nhựa PP	Nghìn tấn	22,48	21,80	97%
5	Pallet gỗ	Nghìn cái	118,00	118,00	100%

### 3.3. Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ:

Stt	Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ % KH2023/TH2022
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	21,43	18,34	86%
2	Vận chuyển hành khách	Tỷ đồng	34,04	27,77	82%
3	Dịch vụ hậu cần khác	Tỷ đồng	26,84	42,06	157%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>Tỷ đồng</b>	<b>82,31</b>	<b>88,16</b>	<b>107%</b>



### 3.4. Chỉ tiêu lao động, tiền lương:

Stt	Chỉ tiêu lao động, tiền lương	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ % KH2023/ TH2022
1	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người	313	310	99%
2	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ tháng	6,769	7,580	112%
3	Năng suất lao động bình quân tính theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/ tháng	11,730	13,136	112%
4	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng	25.423	28.196	111%
5	Quỹ tiền lương người quản lý chuyên trách	Tr.đồng	2.576	3.078	119%
6	Quỹ thù lao người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng	161	146	91%

### 3.5. Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ % KH2023/ TH2022
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	0	3	
1.1	Đầu tư XDCB:	Tỷ đồng	0	0	
1.2	Mua sắm trang thiết bị/TSCĐ	Tỷ đồng	0	3	
	<i>Mua sắm 02 xe ô tô 7 chỗ phục vụ công việc Công ty</i>	Tỷ đồng		3	
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	0	3	
2.1	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	Tỷ đồng	0	3	
2.2	<i>Vốn vay và khác</i>	Tỷ đồng	0	0	

#### **4. Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2023**

##### **4.1. Đối với Công tác quản lý, điều hành:**

- Xây dựng các phương án để chủ động ứng phó với các biến động của thị trường; Phương án phát triển hoạt động thương mại và hoạt động dịch vụ; tăng cường công tác quản trị; từng bước số hóa hệ thống quản lý; tăng cường tiết kiệm, tiết giảm chi phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Rà soát, cập nhật các bộ định mức, tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm sản phẩm lỗi.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi khâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí vật tư văn phòng, chi phí hội họp, công tác phí...

- Thực hiện đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo lại cho các nhân sự có ngành nghề chưa phù hợp để tối ưu lao động, công việc và chi phí.

- Bộ phận kinh doanh thường xuyên bám sát các bộ phận chuyên môn của khách hàng/đối tác truyền thống và tiềm năng để kịp thời tiếp cận tham gia dự thầu các đơn hàng, các hợp đồng dịch vụ/thương mại/hậu cần... tối đa nguồn thu cho Công ty.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy chế quản trị nội bộ của Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện hệ thống pháp chế của Công ty.

- Xây dựng phương án triển khai đầu tư phát triển sản phẩm mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tiêu hao vật tư, đáp ứng được yêu cầu đa dạng của khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

##### **4.2. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì:**

- Vận hành Phân xưởng sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, ổn định, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, từng bước đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của khách hàng, trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường khu vực đối với các dòng sản phẩm hiện có.

- Tích cực nghiên cứu các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.

- Nỗ lực khảo sát thị trường đầu vào: Nhằm đảm bảo mua nguyên liệu đầu vào với giá và thời điểm có hiệu quả nhất phục vụ công tác sản xuất, mặt khác tìm kiếm được những đối tác/khách hàng mới để mở rộng thị trường, thị phần và năng lực sản xuất bên cạnh việc tăng cường công tác chăm sóc khách hàng để giữ chân khách hàng truyền thống.



- Tích cực thực hiện tốt công tác dự báo giá nguyên liệu nhằm có chính sách dự trữ đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định và liên tục, có hiệu quả.

#### **4.3. Kinh doanh thương mại:**

- Hoàn thiện và triển khai phương án kinh doanh các loại sản phẩm truyền thống theo nguyên tắc: Tiếp tục duy trì các điều khoản bảo đảm thực hiện hợp đồng, công tác lưu kho, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo thanh toán, thu hồi công nợ nhằm đảm bảo an toàn vốn kinh doanh.

- Tập trung nghiên cứu nhu cầu thị trường, mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng.

#### **4.4. Dịch vụ hậu cần:**

- Tăng cường chăm sóc khách hàng, tạo dựng niềm tin và sự hài lòng của khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ của Công ty trong hiện tại và tương lai.

- Bên cạnh nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp để đáp ứng làm hài lòng khách hàng, cần tuân thủ tuyệt đối các quy định của các cơ quan, ban ngành về kiểm soát tình hình dịch bệnh. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến thông tin và các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho người lao động và khách lưu trú tại các Khu nhà do Công ty quản lý.

- Tích cực nghiên cứu thị trường, nắm bắt cơ hội trong tình hình khó khăn để triển khai một số lĩnh vực kinh doanh dịch vụ mới, mở rộng khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của Công ty. Ban điều hành kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KHHĐ.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Xuân Thu**

T.C.P \* /

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**Phần thứ nhất**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**CỦA CÔNG TY NĂM 2022**

Hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty diễn ra trong tình hình kinh tế chính trị thế giới có nhiều biến động làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, lạm phát tăng cao ở nhiều nền kinh tế phát triển làm giá năng lượng và chi phí vận tải tăng cao. Trong nước, tuy nền kinh tế hồi phục tốt và có khả năng cao sẽ đạt được mục tiêu tăng trưởng đề ra trong năm nay nhưng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn như lạm phát tăng, lãi suất tăng. Giá cả thị trường một số hàng hóa đầu vào như: Xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu liên quan (hạt nhựa PP, PE,...) biến động nhanh và còn ở mức cao, khó dự báo; tỷ giá biến động theo xu hướng đồng USD tăng nên chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng, giá thành sản phẩm tăng, ảnh hưởng đến tiêu thụ và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm, do ảnh hưởng của những nguyên nhân khách quan, Ban điều hành đã trình Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận việc điều chỉnh giảm một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt.

Năm 2022, tập thể HĐQT và Ban điều hành, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động kết hợp với sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của các cổ đông, nhất là Cổ đông BSR (cổ đông chi phối); do đó, kết quả SXKD của Công ty đạt được như sau:

Kết quả một số chỉ tiêu chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022	Tỷ lệ TH2022/TH2021
				ĐHĐCĐ phê duyệt	Điều chỉnh			
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	864,45	860,00	764,25	824,87	108%	95%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	846,24	843,00	749,24	808,97	108%	96%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,21	17,00	15,01	15,90	106%	87%



Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022	Tỷ lệ TH2022/TH2021
				ĐHĐCĐ phê duyệt	Điều chỉnh			
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,93	15,00	12,82	13,69	107%	86%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,31	12,30	10,50	12,82	122%	104%
6	Công tác đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	1,30	71,0	5,0	-	-	-
7	Lao động BQ	Người	323	330	315	313	99%	97%
8	NSLĐBQ tính theo DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/ng/tháng	12,738	11,900	10,919	11,730	107%	92%
9	Tiền lương bình quân NLĐ	Tr.đồng/ng/tháng	7,407	6,918	6,301	6,769	107%	91%

**Phần thứ hai**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**I. Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị**

**1. Cơ cấu HĐQT**

Năm 2022, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty không có sự thay đổi so với năm 2021, số lượng và cơ cấu: *04 thành viên gồm 01 Chủ tịch kiêm nhiệm, 01 thành viên kiêm Giám đốc và 02 thành viên chuyên trách:*

TT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu		Tổng tỷ lệ (%)
			Sở hữu	Được uỷ quyền	
1	Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT		6.132.799	35
2	Trần Xuân Thu	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty	104.500	5.256.685	30,59
3	Lê Xuân Sơn	Thành viên HĐQT		3.199.800	18,26
4	Hà Thị Hoa	Thành viên HĐQT	82.300	1.491.700	8,86

**2. Hoạt động của HĐQT**

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, HĐQT đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức trước các diễn biến phức tạp và khó khăn thách thức trong năm 2022 để hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng

cổ đông giao, từng bước xây dựng Công ty ngày càng ổn định về tổ chức, sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo là đơn vị hậu cần uy tín của BSR; đồng thời phát triển các lĩnh vực liên quan theo định hướng của BSR.

- Ngay sau khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT đã có phân công tương đối cụ thể, rõ ràng các lĩnh vực phụ trách và chịu trách nhiệm chỉ đạo cho từng thành viên HĐQT nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BDH; Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên HĐQT cũng có ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc BDH triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Năm 2022, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, HĐQT tổ chức 07 cuộc họp trực tiếp và 25 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp HĐQT đều được chuẩn bị đầy đủ về nội dung, đảm bảo trình tự, nguyên tắc theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, các cuộc họp đã thảo luận và tập trung giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD; định hướng phát triển Công ty; các giải pháp phù hợp để tháo gỡ vướng mắc cùng Ban điều hành và người lao động vượt qua khó khăn thách thức ... Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 08 nghị quyết, 29 quyết định với các nội dung chủ yếu tập trung đến công tác hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý Công ty, thực hiện vai trò của HĐQT trong việc định hướng phát triển, triển khai các hoạt động SXKD của Công ty và giám sát các hoạt động đầu tư, mua sắm thuộc thẩm quyền của HĐQT.

*(Có Danh mục Nghị quyết và Quyết định kèm theo)*

- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với BKS trong việc kiểm tra nắm bắt tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- HĐQT đã hoàn thiện đảm bảo các nội dung công việc do DHĐCD giao.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT và các thành viên đã trực tiếp tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc việc chuẩn bị các nội dung trình HĐQT/Đại hội đồng cổ đông.

Bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ của tập thể HĐQT, từng thành viên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Ông **Phạm Tuấn Anh, Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm**: Điều hành công việc của Hội đồng quản trị theo chương trình công tác năm; triệu tập, tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành Nghị quyết, Quyết định đúng quy định, kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng trong Công ty; trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch, tổ chức nhân sự, công tác đầu tư.



- Ông **Trần Xuân Thu, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty:** Tham gia các hoạt động quản trị Công ty và trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành; triển khai nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Ông **Lê Xuân Sơn, Thành viên HĐQT chuyên trách:** Tham gia nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, hỗ trợ các thủ tục pháp lý và quan hệ đối ngoại của Công ty. Trực tiếp kiểm tra, giám sát việc thi hành chính sách, Pháp luật, chế độ và các quy định nội bộ trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và sản xuất bao bì của Công ty;

- Bà **Hà Thị Hoa, Thành viên HĐQT chuyên trách:** Trực tiếp giám sát lĩnh vực tài chính, kinh doanh thương mại và phát triển thị trường, công tác mua sắm; đã có đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty cũng như công tác quản lý, giám sát điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

## **II. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng**

*(có Tờ trình kèm theo)*

## **III. Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành**

### **1. Phương thức giám sát hoạt động của Ban điều hành**

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT đã tiến hành giám sát tính hiệu quả và phù hợp trong hoạt động của Ban điều hành thông qua việc trao đổi, thảo luận với Giám đốc Công ty và Ban điều hành tại các cuộc họp HĐQT; đảm bảo các chính sách và định hướng hoạt động tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trên cơ sở Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất kiến nghị tại các kỳ họp định kỳ, HĐQT đã xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh từng Quý và đề ra kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn; đồng thời tạo mọi điều kiện cho Ban điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và các nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty; trong năm, trên cơ sở đề nghị của Ban điều hành, HĐQT đã chấp thuận điều chỉnh giảm kế hoạch sản xuất kinh doanh (số liệu điều chỉnh đã trình bày tại phần mở đầu của Báo cáo).

### **2. Nhận xét đánh giá hoạt động của Ban điều hành**

Căn cứ vào Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận và đánh giá kết quả hoạt động của Ban điều hành như sau:



## 2.1 Những việc đã làm được:

Trong năm 2022, Giám đốc Công ty và Ban điều hành đã có sự tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động của Công ty.

Dưới sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc, Công ty đã đạt được một số mục tiêu kinh doanh được đề ra tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đã được HĐQT phê duyệt trong. Các chủ trương của ĐHĐCĐ và HĐQT đã được Giám đốc và Ban điều hành Công ty triển khai; Công tác tài chính, kế toán, thống kê, kế hoạch, quản trị chi phí đã được chú trọng, tài sản và tiền vốn của Công ty được quản lý chặt chẽ.

Giám đốc đã chỉ đạo các phòng chức năng chú trọng kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn, gắn trách nhiệm về chất lượng sản phẩm tới từng bộ phận sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và từng bước chú trọng đến công tác tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Các dịch vụ hậu cần phục vụ cho NMLD Dung Quất từng bước chú trọng về chiều sâu, chất lượng cũng như tính chuyên nghiệp của dịch vụ; khẳng định vị trí là một trong những đối tác chiến lược của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty xây dựng một khối đoàn kết, thống nhất tuyệt đối trong tập thể đơn vị; chỉ đạo các bộ phận luôn quan tâm sâu sắc và chăm lo chu đáo cho đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty; tạo cơ chế khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, nhiệt huyết trong công việc, tham gia tích cực và có đóng góp đáng kể cho các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa...

Công tác công bố thông tin được thực hiện đúng quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng, có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom.

Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành hoạt động SXKD; đồng thời tham mưu và ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Công ty; Thực hiện tốt được vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện đúng quy định. Công tác thi đua khen thưởng đã kịp thời động viên cá nhân và tập thể có thành tích tốt, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

## 2.2 Những việc còn hạn chế, khuyến nghị:

Bên cạnh những việc làm được đã nêu, HĐQT nhận thấy Ban điều hành vẫn còn một số việc chưa được giải quyết triệt để; cụ thể là:

Công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất bao bì nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng hơn phù hợp với năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường cần phải được đầu tư hơn nữa.

Công tác thực hiện các chỉ đạo của HDQT còn chậm, thiếu tính chủ động trong việc triển khai thực hiện dẫn đến hiệu quả chưa cao;

Công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát sinh.

Việc mở rộng quy mô, ngành nghề SXKD của Công ty, nắm bắt thông tin thị trường để kịp thời điều chỉnh kế hoạch và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh còn chậm và nhiều bất cập;

Công tác lao động tiền lương còn nhiều bất cập, chưa kịp thời điều chỉnh phù hợp với quy định để tạo điều kiện tốt nhất về việc làm và thu nhập của người lao động.

### Phần thứ ba

## KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức và cơ hội thuận lợi như:

#### *Khó khăn thách thức:*

- Lạm phát có dấu hiệu tăng trở lại làm kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng có nguy cơ cao bị suy thoái.

- Căng thẳng địa kinh tế, địa chính trị của các nước vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt, nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục diễn ra. Trong nước, biến động của giá dầu và nguyên liệu ngành bao bì nhựa vẫn ở mức cao, khó dự đoán;

- Các hợp đồng dịch vụ hậu cần giữa Công ty với BSR đã hết hạn, áp lực về đấu thầu và cạnh tranh giữa các nhà thầu khác, nhất là Hợp đồng vận chuyển, Hợp đồng chăm sóc cây xanh và Hợp đồng cung cấp Pallet...; trong trường hợp Công ty không trúng thầu cho những năm tiếp sẽ ảnh hưởng nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh và giải quyết nhân sự đòi hỏi liên quan đến các lĩnh vực này.

- Biến động giá cả của hạt nhựa PE sẽ ảnh hưởng đến giá thành và lợi nhuận của dòng bao PE 3 lớp; thị trường xuất khẩu tinh bột sắn vẫn chưa khởi sắc, nên ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất bao dệt PP

#### *Những cơ hội thuận lợi:*

- Dự báo nền kinh tế Việt Nam phục hồi và tăng trưởng hơn năm 2022;





- Luôn được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, định hướng kịp thời từ Công ty Mẹ (BSR) và các cổ đông;

- Đội ngũ cán bộ, người lao động Công ty ngày một nâng cao và chuyên nghiệp; các dịch vụ hậu cần ngày càng đa dạng và nâng cao về chất lượng; công tác nghiên cứu phát triển và cải tiến chất lượng sản phẩm bao bì đang được Ban điều hành chú trọng;

- Hệ thống quản trị của Công ty ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành các hoạt động SXKD của Công ty.

Năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty xác định các mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

- Tiếp tục đổi mới nghiên cứu sắp xếp cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy tổ chức nhằm tập trung trong quản lý, linh hoạt trong điều hành tổ chức sản xuất, tối ưu sử dụng chi phí và khai thác nguồn nhân lực, tăng hiệu quả, năng suất lao động; tập trung xác định định biên lao động các bộ phận phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ làm cơ sở pháp lý sắp xếp lực lượng lao động hợp lý, hiệu quả;

- Chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban điều hành thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ sau:

+ Về định hướng thị trường: Đẩy mạnh khai thác thị trường truyền thống, nhất là từ BSR; chuẩn bị nguồn lực về tài chính, nhân sự, kỹ thuật, cơ sở vật chất để kịp thời nắm bắt các cơ hội mở rộng thị trường...

+ Chỉ đạo công tác nghiên cứu phát triển và vận hành sản xuất nhằm tối ưu hoá sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng đáp ứng tốt sự đa dạng của thị trường nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong hoạt động này;

+ Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành; hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhân sự gắn với sự đãi ngộ về tiền lương ....

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng thông qua việc cải tiến về quy trình, phát triển về chất lượng... nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu của khách hàng đang sử dụng dịch vụ;

+ Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, môi trường làm việc gắn kết; tạo nền tảng xây dựng Công ty đáp ứng tính thích ứng cao, chủ động, linh hoạt, đạt hiệu quả hoạt động cao hơn;

- Phối hợp với Chi ủy chỉ đạo các đoàn thể trong Công ty phát động người lao động tích cực thi đua góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2023.



- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2023 với các chỉ tiêu cơ bản trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	824,9	766,5
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	809,0	749,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,9	17,4
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,7	15,3
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,8	13,3
6	Đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	-	3,00
7	Lao động BQ	Người	313	310
8	NSLĐBQ tính theo DT trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng/người/tháng	11,730	13,136
9	Tiền lương bình quân NLĐ	Triệu đồng/người/tháng	6,769	7,580

### Phần thứ tư MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Nhằm đảm bảo tốt các điều kiện triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ đặt ra trong năm 2023 và những năm tiếp theo; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận một số nội dung sau:

1. Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động SXKD của Công ty và quy định của pháp luật;

1.3 Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

*(Có Tờ trình và toàn văn các nội dung trình sửa đổi bổ sung kèm theo).*

2. Chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông *(có Tờ trình xin chấp thuận chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan kèm theo).*

3. Thông qua các nội dung khác được trình bày tại Đại hội (có các Tờ trình kèm theo).

Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông, nhất là cổ đông chi phối tiếp tục hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Công ty, tạo điều kiện để Công ty tham gia cung cấp các dịch vụ trên nguyên tắc chất lượng, công khai, minh bạch và cạnh tranh.

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông!

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Tuấn Anh**





## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/7/2021;

Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT-PVBLD ngày 28/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán theo đúng chuẩn mực, đồng thời đã được công bố thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán theo quy định vào ngày 02/3/2023, bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban giám đốc;
- (2) Báo cáo kiểm toán độc lập;
- (3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022;
- (4) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022;
- (5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022;
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022;

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

#### 1. Bảng cân đối kế toán

DVT: Đồng

Chỉ tiêu		31/12/2022	31/12/2021
A.	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>240.031.342.236</b>	<b>261.601.905.039</b>
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	33.443.961.488	30.692.222.136
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.266.010.000	87.568.840.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	104.485.565.921	113.305.112.596

Chỉ tiêu		31/12/2022	31/12/2021
IV.	Hàng tồn kho	29.779.169.012	28.550.293.712
V.	Tài sản ngắn hạn khác	2.056.635.815	1.485.436.595
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>60.371.255.038</b>	<b>74.639.999.364</b>
I.	Tài sản cố định	56.432.729.522	69.813.030.186
II.	Tài sản dài hạn khác	3.938.525.516	4.826.969.178
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>300.402.597.274</b>	<b>336.241.904.403</b>
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>109.830.218.121</b>	<b>143.533.078.899</b>
I.	Nợ ngắn hạn	109.730.218.121	143.533.078.899
II.	Nợ dài hạn	100.000.000	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>190.572.379.153</b>	<b>192.708.825.504</b>
I.	Vốn chủ sở hữu	190.572.379.153	192.708.825.504
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	175.222.846.365	175.222.845.365
	2. Quỹ đầu tư phát triển	2.931.055.044	2.931.055.044
	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	128.162.657	128.162.657
	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.290.316.087	14.426.762.438
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>300.402.597.274</b>	<b>336.241.904.403</b>

## 2. Báo cáo Kết quả kinh doanh

DVT: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	819.324.211.238	859.542.792.679
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	819.324.211.238	859.542.792.679
4. Giá vốn hàng bán	786.290.808.977	823.831.025.183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.033.402.261	35.711.767.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.715.716.895	4.409.116.847
7. Chi phí tài chính	137.823.014	21.909.300
Trong đó: Chi phí lãi vay	135.863.014	9.589.041
8. Chi phí bán hàng	4.266.354.163	4.643.243.886
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.168.660.660	17.681.180.068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.176.281.319	17.774.551.089
11. Thu nhập khác	830.572.386	498.626.428

42949  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NHÀ  
HƯƠNG M  
IAU KHÍ  
N T.QUA



CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2021
12. Chi phí khác	107.551.094	65.291.023
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>723.021.292</b>	<b>433.335.405</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.899.302.611</b>	<b>18.207.886.494</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.208.986.524	2.281.124.056
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>13.690.316.087</b>	<b>15.926.762.438</b>

### 3. Ý kiến của Công ty kiểm toán PwC

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCKT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Tuấn Anh**



CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

LMSD

CÔNG TY CỔ  
PHẦN NHÀ VÀ  
THƯƠNG MẠI  
DẦU KHÍ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
DN: C=VN, S=QUẢNG NGÃI, L=Bình Sơn,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ  
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
4300429492  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2023.03.02 10:07:30+07'00'  
Foxit Reader Version: 10.1.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

# CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 4300429492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 2 tháng 4 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2022.

### Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Số 1326400577 ngày 4 tháng 1 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1326400577, thay thế cho Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên số 65201000090 ngày 22 tháng 4 năm 2010 và các bản điều chỉnh, do Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất cấp có thời hạn hoạt động là 49 năm kể từ ngày của Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Thu	Thành viên
Ông Lê Xuân Sơn	Thành viên
Bà Hà Thị Hoa	Thành viên

### Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Phương Thúy	Trưởng ban
Bà Phạm Thanh Thảo	Thành viên
Ông Phan Bá Công	Thành viên

### Ban Giám đốc

Ông Trần Xuân Thu	Giám đốc
Ông Huỳnh Việt Cường	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Trịnh Văn	Phó Giám đốc

### Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Xuân Thu	Giám đốc
-------------------	----------

### Trụ sở chính

Khu Đô thị mới Vạn Tường, Xã Bình Trị,  
Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty đối với Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Phê chuẩn Báo cáo Tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 35. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Xuân Thu  
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 27 tháng 2 năm 2023

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 27 tháng 2 năm 2023. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp lý của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 9 tháng 3 năm 2022.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2019-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Trần Từ Mai Anh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3546-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12949  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 2 năm 2023

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>240.031.342.236</b>	<b>261.601.905.039</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.443.961.488	30.692.222.136
111	Tiền		19.071.280.038	7.319.540.686
112	Các khoản tương đương tiền		14.372.681.450	23.372.681.450
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>70.266.010.000</b>	<b>87.568.840.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	70.266.010.000	87.568.840.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>104.485.565.921</b>	<b>113.305.112.596</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	100.790.766.393	110.413.019.970
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		777.731.944	20.103.600
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	2.917.067.584	2.871.989.026
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	7	<b>29.779.169.012</b>	<b>28.550.293.712</b>
141	Hàng tồn kho		29.779.169.012	28.557.904.116
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(7.610.404)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.056.635.815</b>	<b>1.485.436.595</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	2.006.523.422	1.447.053.576
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11(a)	50.112.393	38.383.019
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>60.371.255.038</b>	<b>74.639.999.364</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>56.432.729.522</b>	<b>69.813.030.186</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9	56.432.729.522	69.813.030.186
222	Nguyên giá		188.161.242.544	188.889.507.904
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(131.728.513.022)	(119.076.477.718)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		93.106.000	93.106.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(93.106.000)	(93.106.000)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.938.525.516</b>	<b>4.826.969.178</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	3.938.525.516	4.826.969.178
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>300.402.597.274</b>	<b>336.241.904.403</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>109.830.218.121</b>	<b>143.533.078.899</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>109.730.218.121</b>	<b>143.533.078.899</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	71.734.508.261	129.274.828.467
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		18.476.343	479.168.611
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11(b)	5.298.321.178	2.104.321.097
314	Phải trả người lao động		4.620.577.016	4.954.871.734
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		135.863.014	-
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	227.272.727
319	Phải trả ngắn hạn khác	12	3.522.717.335	3.086.143.119
320	Vay ngắn hạn	13	22.000.000.000	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	2.399.754.974	3.406.473.144
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>-</b>
337	Phải trả dài hạn khác		100.000.000	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>190.572.379.153</b>	<b>192.708.825.504</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>190.572.379.153</b>	<b>192.708.825.504</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15, 16	175.222.845.365	175.222.845.365
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.222.845.365	175.222.845.365
418	Quỹ đầu tư phát triển	16	2.931.055.044	2.931.055.044
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16	128.162.657	128.162.657
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	16	12.290.316.087	14.426.762.438
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay	16	12.290.316.087	14.426.762.438
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>300.402.597.274</b>	<b>336.241.904.403</b>


Nguyễn Thị Thúy Vân  
Người lập

Nguyễn Tấn Phát  
Kế toán trưởngTrần Xuân Thu  
Giám đốc  
Ngày 27 tháng 2 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	819.324.211.238	859.542.792.679
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	819.324.211.238	859.542.792.679
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(786.290.808.977)	(823.831.025.183)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.033.402.261	35.711.767.496
21	Doanh thu hoạt động tài chính	4.715.716.895	4.409.116.847
22	Chi phí tài chính	(137.823.014)	(21.909.300)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(135.863.014)	(9.589.041)
25	Chi phí bán hàng	(4.266.354.163)	(4.643.243.886)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(18.168.660.660)	(17.681.180.068)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.176.281.319	17.774.551.089
31	Thu nhập khác	830.572.386	498.626.428
32	Chi phí khác	(107.551.094)	(65.291.023)
40	Lợi nhuận khác	723.021.292	433.335.405
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.899.302.611	18.207.886.494
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(2.208.986.524)	(2.281.124.056)
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.690.316.087	15.926.762.438
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17(a)	687
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17(b)	687

  
Nguyễn Thị Thúy Vân  
Người lập

  
Nguyễn Tấn Phát  
Kế toán trưởng

  
Trần Xuân Thu  
Giám đốc  
Ngày 27 tháng 2 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.899.302.611</b>	<b>18.207.886.494</b>
	Điều chỉnh kế toán cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	9, 25 13.508.870.664	13.924.959.600
03	Hoàn nhập dự phòng	(7.610.404)	(506.558.211)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21 (13.970.681)	12.320.259
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	21 (4.699.515.214)	(4.409.033.214)
06	Chi phí lãi vay	135.863.014	9.589.041
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>24.822.939.990</b>	<b>27.239.163.969</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	8.633.407.398	(73.612.085.089)
10	Tăng hàng tồn kho	(1.221.264.896)	(4.236.136.114)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(55.614.583.856)	98.885.722.628
12	Giảm chi phí trả trước	328.973.816	2.219.567.759
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(9.589.041)
15	Thuế TNDN đã nộp	11 (1.464.731.340)	(1.633.861.766)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	14 (4.795.671.500)	(2.948.813.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(29.310.930.388)</b>	<b>45.903.969.346</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(90.246.950)	(2.265.057.551)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	95.454.545	-
23	Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(26.100.000.000)	(46.402.830.000)
24	Tiền thu hồi của các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	43.402.830.000	15.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi	4.778.470.572	4.038.712.164
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>22.086.508.167</b>	<b>(29.629.175.387)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	48.000.000.000	10.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	(26.000.000.000)	(10.000.000.000)
36	Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông	16 (12.037.809.108)	(10.303.102.992)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>9.962.190.892</b>	<b>(10.303.102.992)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>2.737.768.671</b>	<b>5.971.690.967</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>30.692.222.136</b>	<b>24.732.851.428</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	13.970.681	(12.320.259)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>33.443.961.488</b>	<b>30.692.222.136</b>

  
 Nguyễn Thị Thúy Vân  
 Người lập

  
 Nguyễn Tấn Phát  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Xuân Thu  
 Giám đốc  
 Ngày 27 tháng 2 năm 2023



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (“Công ty”), là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300429492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 2 tháng 4 năm 2009.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1326400577, thay thế cho Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên số 65201000090 ngày 22 tháng 4 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất lần thứ hai ngày 4 tháng 1 năm 2016, do Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất cấp, Công ty đang thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene và bao Polyetylen (PE) tại Khu Công nghiệp phía Đông, Khu Kinh tế Dung Quất (thuộc Xã Bình Trị, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi) có thời hạn hoạt động là 49 năm kể từ ngày của Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên số 65201000090 ngày 22 tháng 4 năm 2010.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (“UpCoM”) từ ngày 18 tháng 1 năm 2019 với mã giao dịch cổ phiếu là PBT theo Thông báo số 43/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 14 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán hạt nhựa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sản xuất bao bì từ giấy Kraft;
- In ấn;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống, nhiên liệu động cơ, sách, báo, văn phòng phẩm;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; và
- Các dịch vụ hậu cần khác.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 311 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 321 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

### **2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### **2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền, riêng đối với giá gốc hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

### 2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 23 năm
Máy móc thiết bị	3 - 13 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Thiết bị quản lý	5 năm
Phần mềm	3 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.13 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

### **2.15 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

### **2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.17 Phân chia lợi nhuận

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và chia cổ tức như sau:

- LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ LNST TNDN của Công ty sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.
- Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

### 2.18 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**2.26 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.



**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	78 030 383	46 365 380
Tiền gửi ngân hàng	18.993.249.655	7.273.175.306
Các khoản tương đương tiền (*)	14.372.681.450	23.372.681.450
	<u>33.443.961.488</u>	<u>30.692.222.136</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng, hưởng lãi suất từ 3,8% đến 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,2% đến 4,3%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm trong các khoản tương đương tiền của Công ty có các khoản tiền gửi ngân hàng với giá trị là 3.000.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 270.000.000 Đồng) đang được cầm cố với mục đích là bảo lãnh thực hiện hợp đồng dịch vụ và có các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi với giá trị 265.264.992 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 262.161.494 Đồng) đang tạm ngừng giao dịch. Đối với khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi, Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền có 3.565.509.755 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 16.965.825 Đồng) tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi, một bên liên quan, với các điều khoản giao dịch thông thường (Thuyết minh 27(b)(i)).

**4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<u>2022</u>		<u>2021</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn				
Bên thứ ba	53.166.010.000	53.166.010.000	87.568.840.000	87.568.840.000
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b)(ii))	17.100.000.000	17.100.000.000	-	-
	<u>70.266.010.000</u>	<u>70.266.010.000</u>	<u>87.568.840.000</u>	<u>87.568.840.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 3,7% đến 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,7% đến 5,1%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty có 28.000.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 43.568.840.000 Đồng) đang được cầm cố với mục đích là bảo lãnh thực hiện hợp đồng dịch vụ.



## 5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Kanetora Bạch Đằng	35.486.504.529	21.562.882.297
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Phúc	11.138.981.167	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Bình	9.717.196.741	15.439.751.949
Công ty TNHH Một Thành viên Marubeni Việt Nam	7.603.200.000	-
Khác	7.109.320.349	39.507.926.087
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 27(b)(iii))</b>	29.735.563.607	33.902.459.637
	<u>100.790.766.393</u>	<u>110.413.019.970</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

## 6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi tiền gửi	2.627.094.464	-	2.706.049.822	-
Khác	289.973.120	-	165.939.204	-
	<u>2.917.067.584</u>	<u>-</u>	<u>2.871.989.026</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

## 7 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	13.812.800.567	-	17.573.159.112	(7.610.404)
Công cụ, dụng cụ	3.451.057.401	-	3.367.455.976	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.987.347.717	-	2.177.858.546	-
Thành phẩm	7.142.771.618	-	5.439.430.482	-
Hàng hóa	2.385.191.709	-	-	-
	<u>29.779.169.012</u>	<u>-</u>	<u>28.557.904.116</u>	<u>(7.610.404)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

**7 HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	7.610.404	9.354.369
Hoàn nhập dự phòng	(7.610.404)	(1.743.965)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>7.610.404</u>

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Bảo hiểm	226.356.167	242.620.789
Công cụ và dụng cụ	1.110.389.985	631.031.169
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	373.992.346	465.904.323
Khác	295.784.924	107.497.295
	<u>2.006.523.422</u>	<u>1.447.053.576</u>

**(b) Dài hạn**

	2022 VND	2021 VND
Công cụ và dụng cụ	1.377.860.792	1.227.713.659
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	2.123.333.125	3.144.117.158
Khác	437.331.599	455.138.361
	<u>3.938.525.516</u>	<u>4.826.969.178</u>

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	6.274.022.754	8.493.590.513
Tăng trong năm	12.582.725.179	13.427.276.283
Phân bổ trong năm	(12.911.698.995)	(15.646.844.042)
Số dư cuối năm	<u>5.945.048.938</u>	<u>6.274.022.754</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**9 TSCĐ HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	85.272.151.850	74.733.532.144	28.633.213.000	250.610.910	188.889.507.904
Mua trong năm	-	64.975.000	-	63.595.000	128.570.000
Thanh lý trong năm	-	(856.835.360)	-	-	(856.835.360)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	85.272.151.850	73.941.671.784	28.633.213.000	314.205.910	188.161.242.544
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	44.291.255.274	58.791.432.530	15.886.130.655	107.659.259	119.076.477.718
Khấu hao trong năm	4.339.379.507	6.222.131.491	2.895.187.968	52.171.698	13.508.870.664
Thanh lý trong năm	-	(856.835.360)	-	-	(856.835.360)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	48.630.634.781	64.156.728.661	18.781.318.623	159.830.957	131.728.513.022
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	40.980.896.576	15.942.099.614	12.747.082.345	142.951.651	69.813.030.186
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	36.641.517.069	9.784.943.123	9.851.894.377	154.374.953	56.432.729.522

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 24.673.147.303 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 14.671.268.077 Đồng).

## 10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022 Giá trị/số có khả năng trả nợ VND	2021 Giá trị/số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Kim Long	673.728.814	3.797.446.590
Công ty TNHH Thương mại Thiên Long	85.199.896	1.103.731.655
Khác	7.865.485.303	10.750.035.844
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 27(b)(iv))</b>	63.110.094.248	113.623.614.378
	<u>71.734.508.261</u>	<u>129.274.828.467</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
<b>(a) Phải thu</b>						
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	-	70.282.262.329	(70.282.262.329)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") Tiền thuế đất	10.274.072 28.108.947	- -	- -	-	39.838.321 (28.108.947)	50.112.393 -
	<u>38.383.019</u>	<u>70.282.262.329</u>	<u>(70.282.262.329)</u>	<u>-</u>	<u>11.729.374</u>	<u>50.112.393</u>
<b>(b) Phải nộp</b>						
Thuế GTGT phải nộp	958.884.717	78.493.657.876	(70.282.262.329)	(5.761.650.650)	-	3.408.629.614
Thuế TNDN	1.145.436.380	2.208.986.524	-	(1.464.731.340)	-	1.889.691.564
Tiền thuế đất	-	1.776.386.599	-	(1.748.277.652)	(28.108.947)	-
Thuế TNCN	-	389.756.971	-	(429.595.292)	39.838.321	-
Thuế khác	-	230.777.415	-	(230.777.415)	-	-
	<u>2.104.321.097</u>	<u>83.099.565.385</u>	<u>(70.282.262.329)</u>	<u>(9.635.032.349)</u>	<u>11.729.374</u>	<u>5.298.321.178</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

12 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Các khoản đặt cọc (*)	3.284.290.449	2.256.904.000
Kinh phí công đoàn	123.116.396	130.502.223
Khác	115.310.490	698.736.896
	<u>3.522.717.335</u>	<u>3.086.143.119</u>

(\*) Các khoản đặt cọc thể hiện các khoản tạm ứng của khách hàng để đảm bảo thực hiện hợp đồng mua bán sản phẩm và sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

13 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngân hàng	-	48.000.000.000	(26.000.000.000)	22.000.000.000

Số dư thể hiện khoản vay bằng Đồng từ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Dung Quất với kỳ hạn từ 30 đến 75 ngày kể từ ngày giải ngân với mục đích là thanh toán tiền mua hạt nhựa và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất là 9%/năm.

14 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.406.473.144	3.075.656.317
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh 16)	3.788.953.330	3.579.152.860
Sử dụng quỹ trong năm	(4.795.671.500)	(3.248.336.033)
Số dư cuối năm	<u>2.399.754.974</u>	<u>3.406.473.144</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022	2021
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	17.522.284	17.522.284

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông VND	%	Cổ phiếu phổ thông VND	%
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	145.892.846.365	83,26	145.892.846.365	83,26
Khách sạn Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	3,14
Các cổ đông khác	23.830.000.000	13,60	23.830.000.000	13,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	175.222.846.365	100,00	175.222.846.365	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021, ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	17.522.284	175.222.840.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	12.382.255.852	190.664.318.918
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.926.762.438	15.926.762.438
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2020 (Thuyết minh 14)	-	-	-	(2.079.152.860)	(2.079.152.860)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2021 (Thuyết minh 14)	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(10.303.102.992)	(10.303.102.992)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	14.426.762.438	192.708.825.504
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.690.316.087	13.690.316.087
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2021 (Thuyết minh 14) (*)	-	-	-	(2.388.953.330)	(2.388.953.330)
Chia cổ tức năm 2021 (*)	-	-	-	(12.037.809.108)	(12.037.809.108)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2022 (Thuyết minh 14)	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	12.290.316.087	190.572.379.153

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 14 tháng 4 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân chia LNST chưa phân phối của năm 2021 và tạm phân chia LNST chưa phân phối của năm 2022 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và nhân sự quản lý là: 3.888.953.330 Đồng (trong đó trích cho người lao động là 3.581.978.330 Đồng và cho nhân sự quản lý là 306.975.000 Đồng). Công ty đã tạm trích trong tháng 12 năm 2021 số tiền 1.500.000.000 Đồng (theo số liệu kế hoạch năm 2021 đã được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 28 tháng 4 năm 2021), nên trích bổ sung trong năm là 2.388.953.330 Đồng; và
- Chia cổ tức năm 2021 với số tiền là 12.037.809.108 Đồng.



## 17 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

## (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	13.690.316.087	15.926.762.438
Điều chỉnh giảm số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.400.000.000)	(3.888.953.330)
	<u>12.290.316.087</u>	<u>12.037.809.108</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>701</u>	<u>687</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty tiến hành ước tính việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST chưa phân phối của năm 2022.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bằng số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 đã được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 14 tháng 4 năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	15.926.762.438	-	15.926.762.438
Điều chỉnh tăng số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.500.000.000)	(2.388.953.330)	(3.888.953.330)
	<u>14.426.762.438</u>	<u>(2.388.953.330)</u>	<u>12.037.809.108</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	17.522.284	-	17.522.284
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>823</u>	<u>(136)</u>	<u>687</u>

**17 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)****(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(a) Ngoại tệ**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã bao gồm số ngoại tệ 57.091,78 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 40.429,98 Đô la Mỹ).

**(b) Nợ khó đòi đã xử lý**

Trong năm 2021, Công ty đã xóa sổ 504.814.246 Đồng nợ khó đòi.

**19 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	642.328.885.121	662.140.316.194
- <i>Hạt nhựa</i>	601.095.035.121	617.020.416.194
- <i>Pallet</i>	40.044.800.000	44.497.400.000
- <i>Bao Jumbo</i>	1.189.050.000	622.500.000
Doanh thu bán sản phẩm của Nhà máy Bao bì	94.676.444.538	110.123.009.279
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	34.039.926.210	32.561.395.929
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê nhà	21.434.770.271	34.137.444.011
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	26.844.185.098	20.580.627.266
	<u>819.324.211.238</u>	<u>859.542.792.679</u>

**20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Giá vốn hàng bán	633.926.502.097	654.495.680.632
- <i>Hạt nhựa</i>	594.298.400.289	611.100.853.358
- <i>Pallet</i>	38.507.581.808	42.791.027.274
- <i>Bao Jumbo</i>	1.120.520.000	603.800.000
Giá vốn sản phẩm của Nhà máy Bao bì	81.425.947.385	94.166.693.525
Giá vốn dịch vụ vận chuyển cung cấp	27.949.572.779	26.932.260.710
Giá vốn dịch vụ quản lý và cho thuê nhà cung cấp	19.936.546.689	29.369.232.093
Giá vốn dịch vụ khác cung cấp	23.052.240.027	18.867.158.223
	<u>786.290.808.977</u>	<u>823.831.025.183</u>



**21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	4.699.515.214	4.409.033.214
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	13.970.681	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.231.000	83.633
	<u>4.715.716.895</u>	<u>4.409.116.847</u>

**22 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	2.222.351.758	2.616.603.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.600.432	179.966.211
Khác	1.706.401.973	1.846.673.692
	<u>4.266.354.163</u>	<u>4.643.243.886</u>

**23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.756.875.165	10.022.561.206
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.247.722.110	982.064.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.391.889.065	1.342.514.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.931.592.093	2.034.223.154
Chi phí khác	2.840.582.227	3.299.816.368
	<u>18.168.660.660</u>	<u>17.681.180.068</u>

**24 THUẾ TNDN**

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với lợi nhuận của Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene, căn cứ theo Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên số 65201000090 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất cấp, Công ty được áp dụng mức thuế suất là 10% trong thời gian là 15 năm kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (từ năm 2011 đến năm 2025), miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm kể từ khi có thu nhập (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2024).

**24 THUẾ TNDN (tiếp theo)**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.899.302.611	18.207.886.494
Thuế tính ở thuế suất 10%	759.873.037	1.063.064.928
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.660.114.449	1.515.447.443
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	177.376.001	252.382.583
Thuế được giảm	(388.376.963)	(549.770.898)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>2.208.986.524</u>	<u>2.281.124.056</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	2.208.986.524	2.281.124.056
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>2.208.986.524</u>	<u>2.281.124.056</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**25 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.161.414.018	79.231.254.424
Chi phí nhân viên	41.635.168.019	44.008.934.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.997.569.541	42.594.931.145
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.508.870.664	13.924.959.600
Chi phí khác	6.134.117.578	7.101.138.836
	<u>177.437.139.820</u>	<u>186.861.218.477</u>





## 27 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các bên liên quan có giao dịch trong năm với Công ty như sau:

Tên	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty mẹ
Khách sạn Cẩm Thành	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An Ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2022 VND	2021 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	181.757.614.868	192.993.571.123
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	218.181.816	218.181.816
	<u>181.975.796.684</u>	<u>193.211.752.939</u>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	574.032.164.206	629.973.367.823
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An Ninh Dầu khí Việt Nam	13.836.683.634	14.369.200.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	3.369.401.942	1.357.907.628
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.177.740.000	2.163.000.000
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	597.676.070	605.315.544
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	240.000.000	240.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi	153.749.211	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	182.078.865	497.781.441
Khách sạn Cẩm Thành	-	229.090.909
	<u>594.589.493.928</u>	<u>649.435.663.345</u>



## 27 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
<b>iii) Gửi tiền</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi	17.100.000.000	-
<b>iv) Lãi tiền gửi</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi	735.212.997	138.327
<b>v) Ký quỹ</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi	343.200.000	-
<b>vi) Chi trả cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	10.022.838.108	8.578.363.551
Khách sạn Cẩm Thành	377.850.000	323.517.434
Các cổ đông khác	1.637.121.000	1.401.222.007
	<u>12.037.809.108</u>	<u>10.303.102.992</u>
<b>vii) Thu nhập khác</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	130.000.000	-

## 27 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
<b>viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Phạm Tuấn Anh	98.580.682	69.120.000
Bà Hà Thị Hoa	301.451.328	432.000.000
Ông Lê Xuân Sơn	406.878.462	288.000.000
Ông Trần Đoàn Thịnh	-	28.800.000
Ông Trần Đức Hợp	-	172.800.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bà Đỗ Thị Phương Thúy	253.988.779	252.000.000
Bà Phạm Thanh Thảo	149.953.567	35.040.000
Ông Phan Bá Công	43.813.636	35.040.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	24.000.000
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	-	24.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Trần Xuân Thu	474.691.538	504.000.000
Ông Huỳnh Việt Cường	423.314.632	198.000.000
Ông Huỳnh Trịnh Văn	423.314.632	198.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
Ông Nguyễn Tấn Phát	160.982.746	-
Ông Huỳnh Việt Cường	-	195.000.000

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
<b>i) Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3)</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi	3.565.509.755	16.965.825
<b>ii) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (Thuyết minh 4)</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi	17.100.000.000	-



## 27 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
<b>iii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	29.695.563.607	33.862.459.637
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	40.000.000	40.000.000
	<u>29.735.563.607</u>	<u>33.902.459.637</u>
<b>iv) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	159.544.824	-
	<u>159.544.824</u>	<u>-</u>
<b>v) Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi	603.506.849	-
	<u>603.506.849</u>	<u>-</u>
<b>vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	62.451.395.108	111.407.534.328
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	388.800.000	396.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	269.899.140	249.730.050
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo Vệ An Ninh Dầu khí Việt Nam	-	1.472.120.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	-	98.230.000
	<u>63.110.094.248</u>	<u>113.623.614.378</u>

**28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	2.160.165.798	2.160.165.798
Từ 1 đến 5 năm	8.451.287.963	8.521.057.784
Trên 5 năm	47.028.146.924	49.200.543.286
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>57.639.600.685</b>	<b>59.881.766.868</b>

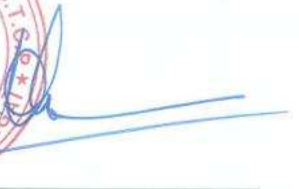
Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 27 tháng 2 năm 2023.



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Người lập



Nguyễn Tấn Phát  
Kế toán trưởng

Trần Xuân Thu  
Giám đốc





Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 14/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.*

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau đây:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022**

**1. Nhân sự Ban kiểm soát**

Nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 gồm có 03 thành viên

- |                         |                        |
|-------------------------|------------------------|
| + Bà Đỗ Thị Phương Thúy | - Trưởng ban kiểm soát |
| + Bà Phạm Thanh Thảo    | - Thành viên BKS       |
| + Ông Phan Bá Công      | - Thành viên BKS       |

**2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, bao gồm các nội dung:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- Tham dự và ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông;
- Tiến hành các cuộc họp của Ban kiểm soát để tổng kết các công việc thực hiện trong kỳ và lập kế hoạch hoạt động cho kỳ tiếp theo;
- Thực hiện hai đợt kiểm tra, soát xét trực tiếp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty; xem xét, đánh giá tình hình thực hiện so với cùng kỳ năm 2021 và so với kế hoạch năm 2022;





- Xem xét tính tuân thủ, phù hợp và có các kiến nghị đến Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác rà soát, sửa đổi Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác kế toán;
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên/năm của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

✓ **Hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát:**

+ Bà **Đỗ Thị Phương Thúy**: Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát; kiểm tra, giám sát tình hình huy động và sử dụng vốn, công tác đầu tư và mua sắm tài sản, hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty.

+ Bà **Phạm Thanh Thảo**: Kiểm tra, giám sát hoạt động công bố thông tin, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, tình hình sử dụng Quỹ lương và các Quỹ khác của Công ty, hoạt động kinh doanh thương mại, công tác bán hàng và quản lý.

+ Ông **Phan Bá Công**: Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm của Nhà máy sản xuất bao bì.

✓ **Đánh giá**: Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, làm việc chủ động, tích cực phối hợp công việc với Hội đồng quản trị và Ban điều hành, luôn cố gắng hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ được giao.

### 3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2022, BKS đã tiến hành các cuộc họp theo quy định để tổng kết, thống nhất các nội dung liên quan hoạt động của BKS, cụ thể như sau:

Stt	Số BB họp	Ngày họp	Nội dung cuộc họp của Ban kiểm soát	Tỷ lệ TV BKS dự họp	Tỷ lệ TV BKS tán thành
1	01/BB-BKS	14/03/2022	Tổng kết, thống nhất kết quả kiểm tra tình hình hoạt động của PV Building và các kiến nghị của BKS trong năm 2021	100%	100%
2	02a/BB-BKS	16/03/2022	Tổng kết, thống nhất hoạt động của BKS và các nội dung liên quan trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%	100%
3	02b/BB-BKS	01/04/2022	Thảo luận công việc và đề xuất nhân sự BKS chuyên trách	100%	100%
4	03/BB-BKS	13/04/2022	Thống nhất nội dung cập nhập Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%	100%
5	04/BB-BKS	04/05/2022	Tổng kết các nội dung về tình hình hoạt động của PV Building trong Quý 1.2022	100%	100%
6	05/BB-BKS	31/05/2022	Nhân sự BKS và Phân công công việc trong BKS kể từ ngày 01/06/2022	100%	100%
7	06/BB-BKS	18/07/2022	Thống nhất hoạt động của BKS và Kế hoạch kiểm tra trực tiếp tình hình hoạt động của PV Building trong 06 tháng đầu năm 2022	100%	100%
8	07/BB-BKS	25/08/2022	Tổng kết, thống nhất kết quả kiểm tra tình hình hoạt động của PV Building và các kiến nghị của BKS trong 6 tháng đầu năm 2022	100%	100%
9	08/BB-BKS	28/10/2022	Tổng kết các nội dung về tình hình hoạt động của PV Building trong Quý 3.2022	100%	100%
10	09/BB-BKS	30/12/2022	Thống nhất chương trình kiểm tra trực tiếp tình hình hoạt động của PV Building trong năm 2022	100%	100%



#### **4. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả theo quy định của Công ty và tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổng thu nhập của Ban kiểm soát năm 2022 là 447.755.982 đồng, chi tiết như sau:

- Bà Đỗ Thị Phương Thủy : 253.988.779 đồng
- Bà Phạm Thanh Thảo : 149.953.567 đồng
- Ông Phan Bá Công : 43.813.636 đồng

## **II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022**

### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và chuyên đề để thống nhất và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự và đủ căn cứ pháp lý.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ Ban giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **2. Hoạt động của Ban điều hành**

Giám đốc thực hiện phân công công việc cụ thể cho các Phó giám đốc, tổ chức họp giao ban thường xuyên để thảo luận công việc, thực hiện các giải pháp nhằm ổn định sản xuất, cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh, chỉ đạo các phòng chức năng nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ được giao, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

## **III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG**

Việc phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành được thực hiện bằng hình thức trao đổi trực tiếp và văn bản, dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng và tuân thủ các quy định.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, các kiến nghị, khuyến nghị của Ban kiểm soát được triển khai đến từng bộ phận.

Trong năm 2022, không có văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các mặt hoạt động của Công ty.



#### IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

##### 1. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam, phát hành ngày 27/02/2023 và được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán.

Qua thẩm định, Ban kiểm soát xác nhận rằng Báo cáo tài chính năm 2022 sau kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

##### 2. Tình hình tài chính năm 2022

Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2022:

Đvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)	Tăng/Giảm		Tỷ trọng
				Giá trị	Tỷ lệ	
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>300.402.597.274</b>	<b>336.241.904.403</b>	<b>-35.839.307.129</b>	<b>-11%</b>	<b>100%</b>
1	Tài sản ngắn hạn	240.031.342.236	261.601.905.039	-21.570.562.803	-8%	80%
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	33.443.961.488	30.692.222.136	2.751.739.352	9%	
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.266.010.000	87.568.840.000	-17.302.830.000	-20%	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	104.485.565.921	113.305.112.596	- 8.819.546.675	-8%	
	- Hàng tồn kho	29.779.169.012	28.550.293.712	1.228.875.300	4%	
	- Tài sản ngắn hạn khác	2.056.635.815	1.485.436.595	571.199.220	38%	
2	Tài sản dài hạn	60.371.255.038	74.639.999.364	-14.268.744.326	-19%	20%
	- Tài sản cố định	56.432.729.522	69.813.030.186	-13.380.300.664	-19%	
	- Tài sản dài hạn khác	3.938.525.516	4.826.969.178	- 888.443.662	-18%	
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>300.402.597.274</b>	<b>336.241.904.403</b>	<b>-35.839.307.129</b>	<b>-11%</b>	<b>100%</b>
1	Nợ phải trả	109.830.218.121	143.533.078.899	-33.702.860.778	-23%	37%
	- Nợ ngắn hạn	109.730.218.121	143.533.078.899	-33.802.860.778	-24%	
	- Nợ dài hạn	100.000.000	-	100.000.000		
2	Vốn chủ sở hữu	190.572.379.153	192.708.825.504	- 2.136.446.351	-1%	63%

Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 300,40 tỷ đồng, giảm 35,84 tỷ đồng tương đương giảm 11% so với đầu năm.

Về tài sản: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lần lượt là 80% và 20%. Tài sản ngắn hạn giảm 21,57 tỷ đồng tương đương giảm 8% so với đầu năm; tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu ở chỉ tiêu đầu tư tài chính (giảm 17,3 tỷ đồng) và chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn (giảm 8,82 tỷ đồng). Tài sản dài hạn giảm 14,27 tỷ đồng, tương đương giảm 19% so với đầu năm; tài sản dài hạn giảm chủ yếu do tăng giá trị khấu hao lũy kế của tài sản cố định.



Về nguồn vốn: Tỷ trọng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu lần lượt là 37% và 63%. Nợ phải trả chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn, giảm 33,70 tỷ đồng tương đương giảm 23% so với đầu năm. Vốn chủ sở hữu giảm 2,14 tỷ đồng tương đương giảm 1% so với đầu năm do lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt mức thấp hơn so với năm 2021.

### 3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Tổng kết một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện Năm 2022	So với KH 2022 (đ/c)		So với TH 2021	
				Kế hoạch Năm 2022	Tỷ lệ	Thực hiện Năm 2021	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>						
1	Hạt nhựa PP	Tấn	22.483	19.153	117%	21.071	107%
2	Pallet gỗ	Cái	118.000	113.000	104%	131.000	90%
3	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	6,61	6,61	100%	7,38	90%
4	Bao nông sản	Triệu bao	2,86	2,94	97%	3,95	72%
5	Mảnh PP tráng màng	Triệu mét	11,63	9,96	117%	18	65%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	824,87	764,25	108%	864,45	95%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,90	15,011	106%	18,21	87%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,69	12,815	107%	15,93	86%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,82	10,5	122%	12,31	104%

Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2022 gặp nhiều khó khăn ở cả ba lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính. Nhu cầu tiêu thụ bao nông sản và mảnh wanek giảm mạnh. Giá cả một số nguyên vật liệu, hàng hóa như xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu như hạt nhựa Polypropylene có nhiều biến động, khó dự báo. Nhu cầu nhà ở của các đơn vị trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất cũng không đạt như kỳ vọng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn bám sát các hoạt động kinh doanh, tăng cường quản trị dòng tiền và tích cực tham gia các gói thầu, chú trọng kiểm soát chi phí và thực hiện tiết kiệm chi. Kết quả năm 2022, Công ty cơ bản hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu đạt 824,87 tỷ đồng vượt 8% kế hoạch năm và lợi nhuận sau thuế đạt 13,69 tỷ đồng vượt 7% kế hoạch năm.

Ban kiểm soát đã xem xét, kiểm tra các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các hoạt động khác của Công ty đã được trình bày trung thực, minh bạch và tuân thủ các quy định.

### 4. Đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động SXKD của Công ty thông qua các chỉ số tài chính:





Nhóm	Nội dung	2022	2021
1	Hệ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,19	1,82
	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	0,30	0,21
	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,37	0,43
2	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	2,57	3,01
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	26,96	31,17
	Số ngày tồn kho (=365/số vòng quay HTK)	13,54	11,71
	Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu có thuế/Các khoản phải thu BQ)	8,28	12,43
	Kỳ thu tiền trung bình (=365/số vòng quay khoản phải thu)	44,10	29,36
3	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS = LNST/Doanh thu thuần)	1,67%	1,85%
	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA = LNST/Tổng tài sản BQ)	4,30%	5,58%
	Tỷ suất thu hồi vốn đầu tư (ROE = LNST/Vốn chủ sở hữu BQ)	7,14%	8,31%
	Hệ số bảo toàn vốn (VCSH năm nay/VCSH năm trước)	0,99	1,01

Các chỉ số về năng lực thanh toán của Công ty khá tốt, hệ số nợ phải trả/tổng tài sản ở mức an toàn, Công ty không gặp khó khăn về tài chính.

Các chỉ số về hiệu suất hoạt động của Công ty năm nay thấp hơn so với năm trước, các chỉ số về vòng quay tài sản, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay các khoản phải thu thấp hơn so với năm 2021 (số ngày hàng lưu tại kho nhiều hơn và số ngày thu tiền trung bình kéo dài hơn so với năm trước).

Các chỉ số về khả năng sinh lời đều sụt giảm so với thực hiện năm 2021. Tỷ suất thu hồi vốn đầu tư ROE đạt 7,14% giảm 9% so với thực hiện năm 2021, hệ số bảo toàn vốn đầu tư thấp hơn 1.

## V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quản lý nội bộ của Công ty, đảm bảo tính hệ thống, tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, lưu ý giải pháp khắc phục các hạn chế của Quy chế lương hiện hành.

- Chú trọng công tác xây dựng kế hoạch chi tiết về doanh thu/chi phí trong từng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tăng cường công tác thống kê định kỳ tình hình thực hiện so với kế hoạch nhằm kiểm soát tốt hơn các chi phí, hạn chế tối đa các chi phí vượt kế hoạch.

- Tiếp tục chú trọng, nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong hoạt động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn; thường xuyên phối hợp theo dõi và đôn đốc công nợ phải thu khách hàng.

## VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

- Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát; tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;



- Tiếp tục phối hợp, nghiên cứu và đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhằm quản trị tốt chi phí, kịp thời cảnh báo các rủi ro;
- Thực hiện các công việc theo yêu cầu hợp pháp của cổ đông, nhóm cổ đông;
- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ của các kiểm soát viên.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng !

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BĐH;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Đỗ Thị Phương Thúy**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/7/2021;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ban hành tại Quyết định số 01/QĐ-BKS-PVBLD ngày 28/7/2021 của Ban kiểm soát Công ty.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của các công ty kiểm toán, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong số 03 đơn vị sau đây tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính 2023:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BĐH;
- NPTQT;
- Lưu: BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Đỗ Thị Phương Thúy**



**TỜ TRÌNH**

Về việc xin phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2023 của người quản lý Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 14/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT-PVBLD ngày 30/12/2022 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023 một số nội dung sau:

**1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2022**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	2.303,67	2.576,32	Tăng quỹ tiền lương, thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	143,65	160,65	

Chi tiết tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

Stt	Bộ phận	Thực hiện		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>3,75</b>	<b>1.281.602.010</b>	
1	Chủ tịch (không chuyên trách)	1,00	98.580.682	
2	Thành viên kiêm Giám đốc	1,00	474.691.538	
3	Thành viên	1,75	708.329.790	



Stt	Bộ phận	Thực hiện		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>3,00</b>	<b>447.755.982</b>	
1	Trưởng ban	1,00	253.988.779	
2	Thành viên	0,58	131.697.885	
3	Thành viên (không chuyên trách)	1,42	62.069.318	
<b>III.</b>	<b>Ban Giám đốc</b>	<b>2,50</b>	<b>1.007.612.010</b>	
1	Phó Giám đốc	2,00	846.629.264	
2	Kế toán trưởng	0,50	160.982.746	

## 2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch người quản lý năm 2023

Stt	Khoản mục	Số người bình quân	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	7,75	3.077,5	
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	2,00	145,68	

Trên cơ sở quy định của Nhà nước về tiền lương, thù lao của người quản lý và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị quy định mức chi tiền lương và thù lao cho từng chức danh cụ thể theo Quy chế trả lương, thù lao cho người quản lý của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Phạm Tuấn Anh**





Số: 0.7/TTr-HDQT-PVBLD

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc xin phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2022  
và kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 14/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HDQT-PVBLD ngày 30/12/2022 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023 một số nội dung sau:

**1. Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2022**

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận sau thuế	13.690.316.087
<b>1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b> (tương đương 2,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)	4.239.165.970
<b>2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ</b> (1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý)	322.040.153
<b>3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)</b>	9.129.109.964
- Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	7.601.016.964
- Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	286.550.000
- Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.241.543.000

\* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 5,21%



## 2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	15.252,77
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân của người lao động)	3.396,25
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (01 tháng tiền lương bình quân của người quản lý)	256,46
3. Lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ vốn góp (Lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ)	11.600,06

\* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,62%

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

*anh*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phạm Tuấn Anh





**TỜ TRÌNH**  
**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ**  
**và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nhà và Thương mại Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (Công ty).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

**1. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ:**

Nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
1	Giải thích từ ngữ	... f) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua	Điểm f bổ sung vì Luật số 03/2022/QH15 có sửa đổi bổ

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		<p>ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản bổ sung sửa đổi liên quan;</p> <p>...</p> <p>i) “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;</p> <p>...</p>	<p>sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2021; sửa đổi điểm i cho phù hợp vì trong Điều lệ Công ty không quy định chức danh khác; bỏ điểm j vì trùng Điều 39 (38 sửa đổi)</p>
16	<b>Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	<p>...</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>...</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp</p>
18	<b>Thay đổi quyền</b>	<b>(Bỏ)</b>	<p>Đề xuất bỏ Điều này vì Công ty không có cổ phần ưu đãi</p>
22 hiện hành, sửa đổi thành 21	<b>Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <b>65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b>, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>...</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông <b>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b>, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3 Điều này và khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Phương thức biểu quyết bầu và điều kiện trúng cử của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị đề xuất, thông báo đến cổ đông theo quy định và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trước khi tiến hành tổ chức bầu cử.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực</p>	<p>Khoản 1 và 2 bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15; khoản 3 bổ sung cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp</p>



Điều		<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do đề xuất</b>
		ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	
23 hiện hành, sửa đổi thành 22	<b>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	<p>...</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này và khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tỷ lệ biểu quyết thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 9 Điều này.</p> <p>...</p> <p>9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định sau:</p> <p>...</p> <p>b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thông qua theo phương thức và điều kiện trúng cử theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này;</p> <p>c) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung khác ngoài nội dung tại điểm a, b khoản này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	<p>Khoản 1 bổ sung cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Bổ sung điểm b khoản 9 cho phù hợp với việc bổ sung khoản 3 Điều 21 (sửa đổi);</p> <p>Bỏ điểm c khoản 9 cho vì Công ty không có cổ phần ưu đãi</p>
28 hiện hành, sửa đổi thành 27	<b>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên...</p> <p>...</p>	<p>Bỏ khoản 1 vì trùng với khoản 1 Điều 29</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với thực tế</p>
30 hiện hành,	<b>Quyền hạn và nghĩa vụ</b>	<p>1. ...</p> <p>2. ...</p>	Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 cho phù

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
sửa đổi thành 29	<b>của Hội đồng quản trị</b>	<p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>...</p> <p>i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>...</p>	hợp với thực tế; Sửa đổi, bổ sung điểm j khoản 2 cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp
33 hiện hành, sửa đổi bổ sung thành 32	<b>Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	<p>...</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. <b>Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị quy định chi tiết về biên bản và ký biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị.</b></p> <p>...</p>	Bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15;
37 hiện hành, sửa đổi bổ sung thành 36	<b>Người phụ trách quản trị Công ty</b>	<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty; <b>tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty do Quy chế quản trị nội bộ quy định.</b> Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định Điều 41 Điều lệ này.</p> <p>...</p>	Bổ sung quy định về tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty
41 hiện hành, sửa	<b>Thư ký Công ty</b>	<p>...</p> <p>1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p>	Bổ sung từ “hợp” vào khoản 1 cho rõ



Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
đổi thành 40		... 6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.	nghĩa; Viết lại khoản 6 cho phù hợp

(Chi tiết xin xem Dự thảo Điều lệ đính kèm)

## 2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ:

Nội dung của Quy chế quản trị nội bộ được sửa đổi bổ sung phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung như sau:

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
5	<b>Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	... 12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: - Đối với các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <b>65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.</b> - Trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành. ...	Sửa đổi bổ sung Khoản 12 cho phù hợp với Luật số 03/2022/QH15 và Điều lệ sửa đổi bổ sung

(Chi tiết xin xem dự thảo Quy chế quản trị như đính kèm)

## 3. Sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

Nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát có sửa đổi bổ sung phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung như sau:

3.1 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 9, điểm h khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 16, cụ thể:

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
9	<b>Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm</b>	... 3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của	Sửa đổi bổ sung Khoản 9 cho phù hợp với Điều lệ

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<b>thành viên HĐQT</b>	Điều lệ Công ty. ...	sửa đổi bổ sung
11	<b>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>	2... h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; ...	Sửa đổi bổ sung Khoản 9 cho phù hợp với Điều lệ sửa đổi bổ sung
12	<b>Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</b>	1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau: ...	Viết lại Khoản 1 cho phù hợp với thực tế
16	<b>Biên bản họp HĐQT</b>	... 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp	Sửa đổi bổ sung Khoản 2 cho phù hợp với Luật số 03/2022/QH15 và Điều lệ sửa đổi bổ sung



Điều	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	theo quy định của Luật Doanh nghiệp. ...	

3.2 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát có sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 9, cụ thể:

Điều	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
9	<p><b>Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>...</p> <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>...</p>	Sửa đổi bổ sung Khoản 2 cho phù hợp với Điều lệ sửa đổi bổ sung

*(Chi tiết xin xem dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm)*

Dự thảo sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và mẫu Điều lệ/Quy chế ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Quý cổ đông xem xét tán thành thông qua nội dung sửa đổi bổ sung này.

Trân trọng!

*Nơi nhận:*

- Như trên (theo danh sách cổ đông);
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Tuấn Anh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-..... ngày ..../4/2023*  
*của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí)*

Quảng Ngãi, ngày .....tháng 4 năm 2023



# MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	<b>1</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	1
<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>2</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	3
<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>4</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	4
<b>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b> .....	<b>5</b>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Chào bán cổ phần .....	6
Điều 11. Mua lại cổ phiếu .....	7
<b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	<b>8</b>
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	8
<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>8</b>
Điều 13. Quyền của cổ đông .....	8
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông .....	10
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	12
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	13
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
<b>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>21</b>
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	21
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	23
Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	25
Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	27
Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	28
Điều 36. Người phụ trách quản trị Công ty .....	28
<b>CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	
<b>29</b>	
Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 38. Người điều hành doanh nghiệp.....	29
Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	30
Điều 40. Thư ký Công ty .....	30
<b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	
<b>31</b>	
Điều 41. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát.....	31
Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát.....	31
Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát.....	32
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	32
Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	33
Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát....	33
<b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC... 34</b>	
Điều 47. Trách nhiệm cẩn trọng .....	34
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	34
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	35
<b>CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY..... 35</b>	
Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	35
<b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN..... 36</b>	
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn.....	36
<b>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... 36</b>	
Điều 52. Phân phối lợi nhuận .....	36
<b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN..... 37</b>	
Điều 53. Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 54. Năm tài chính.....	37
Điều 55. Chế độ kế toán .....	37
<b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG..... 37</b>	
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....	37
Điều 57. Báo cáo thường niên .....	38
<b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	
<b>38</b>	
Điều 58. Kiểm toán.....	38
<b>CHƯƠNG XVII. CON DẤU..... 38</b>	
Điều 59. Con dấu .....	38
<b>CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY..... 39</b>	
Điều 60. Giải thể Công ty .....	39
Điều 61. Thanh lý .....	39



<b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>39</b>
Điều 62.    Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	39
<b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>40</b>
Điều 63.    Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	40
<b>CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC THI HÀNH .....</b>	<b>40</b>
Điều 64.    Hiệu lực thi hành.....	40

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí thông qua ngày .... tháng 4 năm 2023.

### CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;
- b) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- c) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;
- d) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;
- e) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;
- f) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản bổ sung sửa đổi liên quan;
- g) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- h) “Ngày thành lập” là ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần: Ngày 02 tháng 4 năm 2009.
- i) “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- j) “Người nội bộ của Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin;
- k) “Người có quan hệ gia đình” vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
- l) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định như sau:
  - i. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
  - ii. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
  - iii. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;



iv. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Thành viên Ban kiểm soát;

v. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

vi. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại điểm i, ii, iii khoản này;

vii. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty;

viii. Các tổ chức, cá nhân là Người liên quan khác theo quy định tại Luật Chứng khoán.

n) “Giấy tờ pháp lý cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau: Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

o) “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác;

p) “Pháp luật” là các quy định pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các bộ luật/lệnh và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành. Các thuật ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định pháp luật;

q) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

r) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

s) “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

t) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ.**

- Tên Tiếng Anh: **PETROVIETNAM BUILDING AND COMMERCIAL JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên viết tắt: **PV BUILDING.**

2. Hình thức Công ty là công ty cổ phần theo quy định tại Điều 111 Luật Doanh nghiệp.

3. Trụ sở chính Công ty:

- Trụ sở chính: Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

- Điện thoại: 0255 3 612 468

- Fax: 0255 3 612 469

- Email: [vanthu@pvbuilding.com.vn](mailto:vanthu@pvbuilding.com.vn)

- Website: [www.pvbuilding.com.vn](http://www.pvbuilding.com.vn)

4. Biểu trưng (logo) của Công ty: Sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” được chuyển quyền từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, bên dưới là tên viết tắt Công ty “PV BUILDING” màu đỏ.



5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại các địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là không thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam, việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật khi vắng mặt thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp.

2. Quyền của người đại diện theo pháp luật



a) Ký kết các hợp đồng nhân danh/đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;

b) Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;

c) Ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp vắng mặt theo quy định pháp luật và Điều lệ;

d) Các quyền khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

### 3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản a, b và c Điều này;

d) Các trách nhiệm khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

## **CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

#### 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được nêu tại Phụ lục kèm theo Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

#### 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn do các cổ đông đầu tư tại Công ty;
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động; đảm bảo lợi ích của các cổ đông;
- Tạo việc làm cho xã hội, nâng cao thu nhập của người lao động trong Công ty;

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

### Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 (Một trăm bảy mươi lăm tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

2. Công ty có thể tăng, giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các hình thức tăng, giảm Vốn điều lệ thực hiện theo Điều lệ này và các quy định pháp luật; khi có sự tăng, giảm Vốn điều lệ, Công ty tiến hành sửa đổi nội dung tại Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### 4. Cổ phần

Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **17.522.284** cổ phần với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn (10.000) đồng Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại thời điểm ban hành Điều lệ này được chia thành 17.522.284 (Mười bảy triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi bốn) cổ phần.

5. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

### Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần do Công ty phát hành. Cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;



d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;

e) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.;

f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;

g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật;

h) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;

i) Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;

j) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể được cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Chào bán cổ phần**

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo thời hạn pháp luật quy định.

5. Điều kiện và trình tự thực hiện chào bán cổ phần theo các hình thức trên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Mua lại cổ phiếu**

1. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;

b) Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

c) Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;

d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp Công ty thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

e) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc mua lại cổ phiếu được miễn trừ điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây:

a) Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;

3. Công ty không được mua lại cổ phiếu của chính mình trong các trường hợp sau đây:

a) Đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét;

b) Đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn;

c) Cổ phiếu của công ty đang là đối tượng chào mua công khai, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.



4. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khốp lệnh, Công ty không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:

a) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Luật Chứng khoán;

b) Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Cổ đông lớn theo quy định của Luật Chứng khoán.

5. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.

6. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;

b) Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm a khoản này.

7. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp

a) Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;

b) Công ty mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

8. Công ty phải thực hiện việc báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

## **CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

## **CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 13. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (khi Công ty thực hiện việc bỏ phiếu từ xa). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều lệ này;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình;

f) Tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Quyền và nghĩa vụ của các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông biết;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Các trường hợp quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;



c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Bảo mật mọi thông tin được Công ty cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

7. Thông báo chính xác, kịp thời thông tin cá nhân, trong đó có địa chỉ liên hệ và khi có sự thay đổi các thông tin trên với cơ quan có thẩm quyền đăng ký lưu ký chứng

khoản (đối với cổ đông đã thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung) hoặc với Công ty (đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán).

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 15. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

4. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, e khoản 5 Điều này hoặc xảy ra sự kiện quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và các quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

g) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

t) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 17. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham sự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền từ 3 đến 5 người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử, việc ủy quyền tham dự họp sẽ được quy định cụ thể tại thông báo mời họp và gửi đến tất cả các cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

#### **Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình và nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

g) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

5. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này,

thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp cho các cổ đông để có thể tiếp cận.

6. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 7 Điều này trong các trường hợp sau và chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 8 Điều này;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 8 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.



## **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cuộc họp cử một hoặc một số người làm Thư ký lập Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự: Bố trí chỗ ngồi, bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập đại hội có toàn quyền thay đổi các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết khác phù hợp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán

thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp.

8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Đại hội họp lại vẫn phải đủ số lượng cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Điều lệ này và sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết họp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ;

b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

c) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty;

g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3 Điều này và khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Phương thức biểu quyết bầu và điều kiện trúng cử của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị đề xuất, thông báo đến cổ đông theo quy định và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trước khi tiến hành tổ chức bầu cử.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này và khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tỷ lệ biểu quyết thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 9 Điều này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;



- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định sau:

a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thông qua theo phương thức và điều kiện trúng cử theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này;

c) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung khác ngoài nội dung tại điểm a, b khoản này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

#### **Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua trừ trường hợp thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó quy định khác.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;



- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Các lợi ích liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý khác và các lợi ích liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có);
- g) Các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị; cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 35% đến dưới 51% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 02 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 51% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 03 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 04 người.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi Công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

c) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

#### **Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, mức trích lập các Quỹ; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

q) Quyết định việc gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi xét thấy cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên



Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm thù lao trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc,

cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị quy định chi tiết về biên bản và ký biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
- e) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Điều lệ này hoặc quy chế nội bộ của Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban .

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.



### **Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do quy chế nội bộ Công ty quy định.

### **Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật Việt Nam;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác được quy định Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác được quy định tại Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty;

b) Số lượng thành viên không điều hành Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm. Các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### **Điều 36. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty; tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty do Quy chế quản trị nội bộ quy định. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định Điều 41 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

### **Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 38. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Người được Giám đốc ủy quyền điều hành Công ty;

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục

riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc không được là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành Công ty trái với quy định tại Điều lệ này, Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

### **Điều 40. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;



3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công bố thông tin và thủ tục hành chính;
6. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## **CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 41. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 27 Điều lệ này. Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 51% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 02 người.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Có quyền tham dự hoặc tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

#### **Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.



## **CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 47. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.

### **Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng các thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là cổ đông Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau:

a) Đối với giao dịch có giá trị từ dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực

hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

### **CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 51. Công nhân viên và công đoàn**

1. Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 52. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức, mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, mức trích lập quỹ khen thưởng, mức trích lập quỹ phúc lợi và mức trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký hoặc niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.



5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

### **Điều 53. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định.

### **Điều 54. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01/01) và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một của tháng Mười hai (31/12) hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một của tháng Mười hai (31/12) của năm mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

### **Điều 55. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 57. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 58. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **CHƯƠNG XVII. CON DẤU**

#### **Điều 59. Con dấu**

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có 01 (một) con dấu, hình tròn, mực màu đỏ. Con dấu được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Nội dung con dấu: Chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp; vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

4. Trước khi sử dụng, Công ty có thể thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu theo đúng quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật. Con dấu phải được lưu giữ tại các địa điểm nêu tại Khoản 2 Điều này và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp cần thiết để giải quyết công việc ngoài các địa điểm nêu trên thì người đại diện theo pháp luật Công ty có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi Công ty.

6. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định nội bộ của Công ty và tuân thủ pháp luật hiện hành.

7. Các con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.

## **CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 60. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 61. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên: hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;
  - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
  - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại được ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:



a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh, trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC THI HÀNH**

### **Điều 64. Hiệu lực thi hành**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 64 Điều và 01 Phụ lục kèm theo; toàn văn Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí thống nhất thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ngày ... tháng ... năm 2023.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**







## PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-DHĐCĐ-PVBLD ngày tháng 4 năm 2023  
của Đại hội đồng cổ đông Công ty)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
2.	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Chi tiết: - Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan - Mua bán khí CO <sub>2</sub> hóa lỏng	4661
3.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
4.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
5.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
6.	Điều hành tua du lịch	7912
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Đại lý du lịch	7911
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua, bán bã sắn - Mua, bán tro bay - Mua, bán xỉ than - Mua, bán xơ sợi - Mua bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Mua bán hạt nhựa - Mua bán tủ kệ sắt các loại - Mua bán các loại bao bì sản xuất từ nhựa tổng hợp; - Mua bán nguyên vật liệu dùng cho sản xuất và in bao bì các loại (chất dẻo nguyên sinh, bột giấy, giấy)	4669
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Đại lý bán vé máy bay	5229

STT	Tên ngành	Mã ngành
16.	Bán lẻ sách báo tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
18.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở - Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	6810
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách	4932
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng; Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình	4330
<b>25.</b>	<b>Sản xuất sản phẩm từ plastic</b>	<b>2220 (Chính)</b>
26.	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Sản xuất Ethyl acetate	2029
27.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
28.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	1629
29.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì từ giấy Kraft	1702
30.	In ấn Chi tiết: In ấn trên sản phẩm bao bì	1811
31.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, khu nhà ở. Dịch vụ xử lý côn trùng và động vật gây hại: ruồi, muỗi, kiến, ong, gián, chuột, rắn, mối mọt, sâu hại; phòng chống các dịch bệnh gây hại cho con người tại các địa điểm. Dịch vụ diệt trừ mối cho các công trình xây dựng, đê đập, khách sạn, nhà hàng, văn phòng cơ quan và nhà ở.	8130

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
33.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung ứng lao động theo nhu cầu của người sử dụng lao động.	7820
34.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cho thuê lao động.	7830
35.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận sự ủy thác của xuất, nhập khẩu về hàng hóa	8299
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: lắp đặt, bảo trì và vận hành thang máy	4329
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
41.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
42.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
43.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mặt nước và các trò chơi khác trong công viên, sân bãi, bơi thuyền, công viên nước, câu cá giải trí... (không bao gồm hoạt động vũ trường, sàn nhảy)	9329
44.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
45.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
48.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
49.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
50.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
51.	Sửa chữa thiết bị khác	3319



<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, duy tu, tôn tạo, tu bổ di tích và các công trình văn hóa - Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Xây dựng công trình dân dụng - Xây dựng công trình công nghiệp	4299
55.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê xe đạp	7730
56.	Xây dựng nhà để ở	4101
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
58.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
59.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
60.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
61.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
62.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
63.	Xây dựng nhà không để ở	4102

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-HĐQT-PVBLD ngày .../.../2023  
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí)*

*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 7 năm 2021*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I.....</b>	<b>2</b>
<b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>2</b>
Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ .....	2
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành .....	3
<b>CHƯƠNG II.....</b>	<b>3</b>
<b>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>3</b>
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	3
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	3
Điều 6. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ....	5
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	6
Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến .....	8
<b>CHƯƠNG III. ....</b>	<b>9</b>
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>9</b>
Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	9
Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	9
Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	11
Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	11
<b>CHƯƠNG IV. ....</b>	<b>12</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>12</b>
Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	12
Điều 15. Giám đốc.....	12
<b>CHƯƠNG V.....</b>	<b>13</b>
<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....</b>	<b>13</b>
Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc .....	13
Điều 17. Đánh giá hàng năm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc.....	14
<b>CHƯƠNG VI. ....</b>	<b>15</b>
<b>HIỆU LỰC THI HÀNH.....</b>	<b>15</b>
Điều 18. Hiệu lực thi hành.....	15



## **CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Mục đích phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Mục đích

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty; đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật liên quan nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

#### 3. Đối tượng áp dụng:

- Công ty;
- Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *PVBLD/Công ty* là Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.
2. *DHDCĐ* là Đại hội đồng cổ đông Công ty.
3. *HDQT* là Hội đồng quản trị Công ty.
4. *GD* là Giám đốc Công ty.
5. *KTT* là Kế toán trưởng Công ty.
6. *BKS* là Ban kiểm soát Công ty.
7. *Điều lệ/Điều lệ Công ty* là Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.
8. *Quản trị Công ty* là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
  - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
  - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
  - e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
9. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
10. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và điểm i khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

11. Người điều hành doanh nghiệp được quy định tại điểm j khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

12. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

13. Người phụ trách quản trị Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

14. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty, khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

15. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các điều khoản/văn bản đó.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành**

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

## **CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Công ty: ĐHĐCĐ có đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị có thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Phương thức gửi thông báo theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban Tổ chức ĐHĐCĐ để chuẩn bị chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ.

Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ phải được chuẩn bị chu đáo, chi tiết; các kiến nghị của cổ đông phải được đưa vào chương trình họp nếu các kiến nghị đó được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 8 Điều 19 Điều lệ Công ty; Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ phải được thông qua tại phiên khai mạc cuộc họp;

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người đại diện ủy quyền vào các cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tổ chức được ủy quyền làm đại diện, tổ chức phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Trường hợp có nhiều hơn 01 người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo pháp luật dân sự, nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân/người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền, Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và chữ ký của cá nhân/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo pháp luật dân sự, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp hoặc theo văn bản ủy quyền một (01) lần của cổ đông là tổ chức.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ hai, thứ ba thì thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành;

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp (bao gồm cả việc bỏ phiếu điện tử/trực tuyến) hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

10. Cách thức bỏ phiếu:

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông/người đại diện theo ủy quyền một Phiếu biểu quyết. ĐHĐCĐ thực hiện hình thức biểu quyết trực tiếp và tính điểm trên cơ sở số cổ phần sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp theo thể lệ biểu quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày



31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty;

11. Cách thức kiểm phiếu: Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu (có thể thành lập Ban Kiểm phiếu). Sau khi thu Phiếu biểu quyết, bộ phận kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu không có ý kiến;

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

- Đối với các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

- Trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp):

Cổ đông có quyền biểu quyết phản đối quyết định của ĐHĐCĐ về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi các quyền, nghĩa vụ của cổ đông đã quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu của cổ đông trong trường hợp này phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại cổ phần.

Yêu cầu của cổ đông phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông đã quy định tại Điều lệ.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản họp ĐCĐCĐ và thông qua tại ĐHĐCĐ. Việc lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty và pháp luật.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Trong vòng 24 giờ (hai mươi bốn giờ) kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ, Công ty phải công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng.

- Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên Website Công ty (pvbuilding.com.vn) và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

- Việc công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thực hiện kịp thời, chính xác, đầy đủ và do Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

## **Điều 6. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Các trường hợp được lấy ý kiến và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty và Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến**

Trong trường hợp Công ty có đầy đủ hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại đảm bảo đủ điều kiện để họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến thì có thể tiến hành họp theo hình thức này để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Để chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức Đại hội, cổ đông có thể đăng ký về việc tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trước thời hạn ghi trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ (Thông báo mời họp). Việc đăng ký nêu tại khoản này có thể gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty, đăng ký trực tuyến. Cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp.

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp.

- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.

- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định Quy chế này và có nghĩa vụ:

+ Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.

+ Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/ hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

+ Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến. Quy định cụ thể về ủy quyền sẽ do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

4. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến: ĐHĐCĐ được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp tại các điểm cầu trực tuyến đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.

Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (*máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ...*).

Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:

- Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

- Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định Điều này.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ thống trực tuyến như sau:

+ Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các quyết định của ĐHĐCĐ quy định: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến cho từng vấn đề biểu quyết.

+ Đối với nội dung bầu cử HĐQT/BKS: thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến cho nội dung cần bầu cử.

- Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại ĐHĐCĐ. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại ĐHĐCĐ theo quyết định của HĐQT.

- Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:



Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thông và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu và/hoặc Biên bản bầu cử.

Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu truyền thông và/hoặc kết quả biểu quyết bỏ phiếu điện tử.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ tại điểm cầu chính có trách nhiệm lập biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 15 Điều 5 Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện như khoản 16 Điều 5 Quy chế này.

### **Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: Căn cứ tình hình thực tế của Công ty, Công ty sẽ thông báo mời họp ĐHĐCĐ trong đó ghi rõ hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến để cổ đông chủ động sắp xếp tham gia theo hình thức phù hợp.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 7 Điều 5 hoặc khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông thực hiện việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 7 Điều 5 và Khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành: ĐHĐCĐ được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp trực tiếp và tại các điểm cầu trực tuyến đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp (bao gồm cả việc bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc trực tuyến).

6. Cách thức bỏ phiếu: Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thông sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

7. Cách thức kiểm phiếu: Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm phiếu bao gồm các thành viên tham dự họp trực tiếp và đại diện tại các điểm cầu trực tuyến để thực hiện việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu tại các điểm cầu trực tuyến được thực hiện song song với địa điểm họp trực tiếp; thành viên Ban Kiểm phiếu tại các điểm cầu lập Biên bản kiểm phiếu riêng tại địa điểm mình phụ trách, chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về việc kiểm phiếu đó. Thành viên Ban Kiểm phiếu tại địa điểm họp trực tiếp sẽ tổng hợp kết quả kiểm phiếu tại các điểm cầu thành kết quả kiểm phiếu cuộc họp.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu (tổng hợp kết quả tại địa điểm họp trực tiếp và các điểm cầu) được công bố ngay tại cuộc họp.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ (tại địa điểm họp trực tiếp) có trách nhiệm lập biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 15 Điều 6 Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện như khoản 16 Điều 5 Quy chế này.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty (trừ các quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ).

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: HĐQT có đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

#### **Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT: Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 (năm) người.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- Công ty đảm bảo cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có 1/3 thành viên không điều hành.

- Thành viên HĐQT Công ty phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

a) Quyền đề cử ứng viên HĐQT của cổ đông, nhóm cổ đông phụ thuộc vào tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 35% đến dưới 51% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 02 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 51% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 03 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 04 người.

b) Ứng cử: Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền ứng cử để bầu làm thành viên HĐQT Công ty.

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Hội đồng quản trị phải thông báo triệu tập ĐHĐCĐ hoặc thông báo việc lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng

quản trị Công ty khi triển khai việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT: Việc giới thiệu ứng viên đề bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện bằng văn bản gửi đến Công ty đúng thời hạn và có đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định tại Thông báo của Công ty về việc đề nghị đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT được hưởng tiền lương, thù lao và các lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và pháp luật.

### **Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT**

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý và họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;

e) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Thông báo họp HĐQT phải bao gồm đầy đủ các thông tin về thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và cần quyết định;

4. Quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát: Đối với các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Ban kiểm soát thì thành viên Ban kiểm soát đương nhiên được mời tham dự. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có  $\frac{3}{4}$  (ba phần tư) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần đầu không đủ tỷ lệ theo quy định thì trong thời hạn 07 ngày HĐQT họp lại khi có đủ  $\frac{1}{2}$  (một phần hai) tổng số thành viên tham dự.

6. Cách thức biểu quyết: Thành viên HĐQT biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc thông qua người được ủy quyền hợp lệ hoặc biểu quyết trực tuyến/điện tử,...phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT: HĐQT thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp (bao gồm cả họp trực tuyến), lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và pháp luật.



8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác tham dự họp và biểu quyết khi được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

9. Lập biên bản họp HĐQT: Biên bản họp HĐQT được lập theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT: được thực hiện theo khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Thông báo nội bộ:

- Gửi các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc;
- Gửi đơn vị, cá nhân liên quan nếu nội dung nghị quyết liên quan đến lĩnh vực cụ thể;
- Gửi tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc Công ty nếu nghị quyết liên quan đến hoạt động của toàn Công ty.

Thông báo ra bên ngoài: Nghị quyết, quyết định của HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán.

### **Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban .

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

### **Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Không phải là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: HĐQT bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

- Không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;
- Các trường hợp khác theo Quyết định của HĐQT Công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty: theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC**

### **Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát được ĐHĐCĐ bầu để thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Ban kiểm soát thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát : Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát : Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát được bầu theo cách thức tương tự như bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

e) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát: được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và pháp luật.

f) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát: Các quyết định về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được công bố trong toàn Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát: do Đại hội đồng cổ đông quyết định và cụ thể hóa tại các quy chế nội bộ của Công ty.

### **Điều 15. Giám đốc**

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:

Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc: Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc: Giám đốc có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc: thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý cán bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

c) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc: do Hội đồng quản trị quyết định.

## **CHƯƠNG V. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

### **Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục tiêu, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

a) HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy quyết định của Giám đốc trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ/HĐQT;

b) Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Thời hạn cung cấp thông tin tối đa là 05 ngày làm việc kể từ khi Giám đốc nhận được yêu cầu bằng văn bản. Trường hợp chưa thể cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu, Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho thành viên HĐQT biết và xác nhận lại thời gian cung cấp;

c) HĐQT phải thông báo cho Giám đốc trước ít nhất 30 ngày việc sử dụng các nguồn lực để tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên;

d) HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến BKS cùng thời gian gửi các thành viên HĐQT;

e) HĐQT phải gửi Nghị quyết cho BKS trong vòng 24 giờ kể từ khi được thông qua; các nội dung xin ý kiến BKS phải được gửi trước ít nhất 7 ngày làm việc;

f) HĐQT phải tạo điều kiện cho BKS thực hiện nhiệm vụ giám sát theo chức năng nhiệm vụ; tiếp thu, ghi nhận các ý kiến đóng góp của BKS;

g) Khi tiếp nhận báo cáo kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và xử lý/khắc phục kịp thời.

2. BKS là cơ quan có thẩm quyền thay mặt ĐHCĐ giám sát mọi hoạt động của Công ty. BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách độc lập với HĐQT, GD và phải báo cáo ĐHCĐ. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông Công ty về hoạt động giám sát của mình:

a) BKS có quyền giám sát tính hợp pháp trong hành động của các thành viên HĐQT; hoạt động của thành viên Ban điều hành; các cán bộ quản lý của Công ty và các vấn đề khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông;

b) BKS có quyền tham dự cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không có quyền biểu quyết, nếu có ý kiến khác với HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của BKS vào biên bản và trực tiếp báo cáo ĐHCĐ gần nhất;

c) Đối với kết quả kiểm tra định kỳ/đột xuất: BKS phải gửi kết luận bằng văn bản cho HĐQT. Tùy theo kết quả kiểm tra, BKS cần bàn bạc, thống nhất với HĐQT trước



khi báo cáo ĐHCĐ; trường hợp không thống nhất được ý kiến thì có quyền bảo lưu ý kiến vào biên bản;

d) Đối với các nội dung HĐQT, GĐ xin ý kiến, BKS có trách nhiệm phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

3. Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty; tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT và chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và báo cáo HĐQT, ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHCĐ và pháp luật:

a) Giám đốc phải thực hiện kiểm điểm việc triển khai các nghị quyết và các vấn đề khác được HĐQT phân cấp ủy quyền định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu của HĐQT;

b) Giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay HĐQT và ĐHCĐ trong thời gian sớm nhất.

c) Giám đốc chịu trách nhiệm giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả, sự cố tài chính/kỹ thuật... và phải có kế hoạch khắc phục trước HĐQT, ĐHCĐ.

d) Khi phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty, Giám đốc phải báo cáo HĐQT xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

e) Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy quyết định của HĐQT trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty và báo cáo giải trình ngay với HĐQT bằng văn bản.

f) Tất cả các văn bản trình HĐQT phải do Giám đốc ký, trong một số trường hợp cụ thể, Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc ký trình tuy nhiên Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về nội dung trình HĐQT.

4. Cuộc họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc phải được thông báo (có văn bản mời họp hoặc thư điện tử), ghi biên bản cuộc họp và thông báo kết quả cuộc họp.

5. Trong các trường hợp cần thiết, vì lợi ích của Công ty, Giám đốc/BKS có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT và phải nêu rõ mục đích triệu tập.

6. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu. Yêu cầu cung cấp thông tin của BKS phải được gửi bằng văn bản đến người được yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do phải cung cấp và đảm bảo cam kết bảo mật thông tin trong quá trình giám sát.

7. Các quy định phối hợp khác được cụ thể tại các quy chế nội bộ khác của Công ty.

### **Điều 17. Đánh giá hàng năm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc**

1. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

- Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Giám đốc và các chức danh khác do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- Giám đốc chịu trách nhiệm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Trưởng Ban kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các kiểm soát viên.

2. Phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Hoàn thành nhiệm vụ;

- Không hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tiêu chí và phương thức đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế nội bộ khác của Công ty.

4. Khen thưởng, xử lý kỷ luật:

- Việc khen thưởng được thực hiện theo Quy chế Khen thưởng của Công ty và quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

- Căn cứ kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do người đó gây ra làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, uy tín, thương hiệu của Công ty.

- Ngoài ra, trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, cán bộ quản lý nếu có hành vi vi phạm quy định của Công ty, vi phạm pháp luật, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty, truy cứu trách nhiệm và bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế quản lý cán bộ và pháp luật.

## **CHƯƠNG VI. HIỆU LỰC THI HÀNH**

### **Điều 18. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này gồm 6 Chương 18 Điều, được ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2023 thông qua ngày 20/04/2023 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng quản trị ký Quyết định ban hành.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Các nội dung khác liên quan đến quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ..../QĐ-HĐQT-PVBLD ngày ...../...../2023  
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí)*

*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 7 năm 2021*

## MỤC LỤC

<b>Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>4</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.....	4
<b>Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>5</b>
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT .....	5
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT .....	5
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT .....	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT .....	6
Điều 7. Chủ tịch HĐQT .....	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT .....	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	8
<b>Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>9</b>
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT .....	9
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	10
Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc HĐQT.....	11
Điều 15 Điều kiện và kinh phí làm việc của HĐQT và cơ quan giúp việc HĐQT.....	12
<b>Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 16. Cuộc họp HĐQT .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</b> .	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT .	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT ..	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Điều 23. Hiệu lực thi hành .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (Công ty) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT**

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể với sự điều phối của Chủ tịch HĐQT, trên cơ sở đề cao trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

**Chương II  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên HĐQT độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT**

1. HĐQT có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác;

d) Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

### **Điều 7. Chủ tịch HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

đ) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT**

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.



4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

**3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.**

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất

của Công ty nêu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và ĐHCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty **trừ** hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của

ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

## **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường**

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;



đ) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc HĐQT**

1. HĐQT sử dụng Bộ máy tổ chức và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

### **Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì.

### **Điều 16. Biên bản họp HĐQT**

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.



6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định để Giám đốc và Ban điều hành thực hiện; đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát, đôn đốc Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết/quyết định/chủ trương của ĐHĐCĐ và HĐQT.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty bao gồm 7 chương, 23 điều được ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2023 thông qua ngày 20/04/2023 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng quản trị ký Quyết định ban hành.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Các nội dung khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 01/TT-BKS-PVBLD

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2023



### TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát  
Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Trên cơ sở dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Ban kiểm soát đã cập nhật dự thảo **Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí**. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm có 7 Chương 27 Điều, được xây dựng tuân thủ theo quy định hiện hành của pháp luật và phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*(Chi tiết dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên (như danh sách cổ đông);
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Đỗ Thị Phương Thúy**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKS-PVBLD ngày / /2023 của  
Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí)

Năm 2023

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ .....	1
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .....	1
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>1</b>
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát .....	1
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát .....	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát .....	2
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát .....	2
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát .....	3
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	3
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	3
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	4
<b>CHƯƠNG III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>4</b>
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .....	4
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	6
Điều 14. Bảo mật thông tin .....	7
Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông .....	7
Điều 16. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát .....	7
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>8</b>
Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	8
Điều 18. Biên bản họp Ban kiểm soát .....	8
<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH .....</b>	<b>9</b>
Điều 19. Trình báo cáo hàng năm .....	9
Điều 20. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác .....	9
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan .....	10
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>10</b>
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát .....	10
Điều 23. Mối quan hệ với Đại hội đồng cổ đông .....	10
Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị .....	11
Điều 25. Mối quan hệ với Giám đốc .....	11
Điều 26. Mối quan hệ với các Phòng chức năng trong Công ty .....	11
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>12</b>
Điều 27. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung .....	12

## **CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Trừ khi ngữ cảnh có quy định hoặc yêu cầu hiểu khác đi, các thuật ngữ dưới đây khi sử dụng trong Quy chế này sẽ có nghĩa như sau:

a) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;

b) “Công ty” là Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

c) “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty;

d) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty;

e) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

f) “Quy chế” là Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

2. Các thuật ngữ khác không được đề cập tại Điều này và đã được định nghĩa tại Điều lệ hoặc Quy chế quản trị nội bộ Công ty khi được sử dụng trong Quy chế này sẽ được hiểu như định nghĩa tại Điều lệ Công ty hoặc Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định tại Quy chế này.

2. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

## **CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông đề cử.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát



phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trường Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ký ban hành Quy chế nêu được ủy quyền;

b) Tổ chức xây dựng chương trình giám sát, kiểm tra định kỳ hàng quý/năm trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát; có trách nhiệm đôn đốc thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

d) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

g) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty do các cổ đông, nhóm cổ đông phổ thông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên đề cử, ứng cử. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

e) Lợi ích liên quan đến Công ty và các bên liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích liên quan đến Công ty.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## **CHƯƠNG III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê

duyet của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các Biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.



## **Điều 14. Bảo mật thông tin**

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Công ty và pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản, tài liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định nội bộ của Công ty.

## **Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Điều 16. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp các thành viên của Ban kiểm soát chưa thống nhất kết luận về vấn đề nào đó trong quá trình kiểm soát thì sẽ lấy ý kiến biểu quyết đa số. Những thành viên chưa thống nhất ý kiến đa số có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông xem xét, xử lý. Trong thời gian chưa có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì vẫn chấp hành theo quyết định đa số của Ban kiểm soát.

2. Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp chủ trì kiểm soát những vụ việc phức tạp và có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về mọi hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Những vụ việc kiểm soát mang tính chất phức tạp và diện rộng, Ban kiểm soát có thể thông báo với Hội đồng quản trị và Giám đốc để huy động thêm sự tham gia của một số cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất trong Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Những vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân bên ngoài Công ty để phục vụ công tác kiểm soát thì cần phải được thông báo tới Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát thường xuyên, định kỳ (có trọng tâm và trọng điểm). Kiểm soát những nội dung đã có chương trình, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trước khi tiến hành kiểm soát phải thông báo trước cho Hội đồng quản trị và các đối tượng bị kiểm soát về nội dung, chương trình, thời gian làm việc. Khi cần thiết sẽ tiến hành kiểm soát đột xuất nhưng phải thông báo trước tới Hội đồng quản trị.

6. Những vụ việc kiểm soát đột xuất, thành viên Ban kiểm soát được phân công có thể thông báo cho đối tượng bị kiểm soát bằng văn bản hoặc thông báo, trao đổi trực tiếp.

7. Hoạt động hành chính của Ban kiểm soát theo quy định chung của Công ty và do bộ phận hành chính phục vụ. Chi phí hoạt động chung của Ban kiểm soát bao gồm chi phí cho hoạt động văn phòng, chi phí thuê tư vấn, kiểm toán, công tác phí và các chi phí khác được tính vào chi phí chung của Công ty trên cơ sở hợp lý, hợp lệ và theo nguyên tắc tài chính của Công ty và pháp luật quy định.

## **CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên Ban kiểm soát tham dự.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Trưởng Ban kiểm soát;
- d) Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;
- e) Giám đốc.

4. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên Ban kiểm soát tham dự. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc một địa điểm khác do các thành viên Ban kiểm soát thống nhất. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc có thể thông qua các hình thức khác như điện thoại, internet... Việc tham gia các cuộc họp của các thành viên Ban kiểm soát thông qua các phương tiện điện thoại, internet... được coi là đã tham dự và phải được ghi lại trong Biên bản họp.

### **Điều 18. Biên bản họp Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản.

## **CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 19. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 20. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 23. Mối quan hệ với Đại hội đồng cổ đông**

Ban kiểm soát báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.



## **Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý Công ty.

2. Hội đồng quản trị có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.

4. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

## **Điều 25. Mối quan hệ với Giám đốc**

1. Giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Giám đốc chỉ đạo các phòng chức năng, đơn vị thuộc Công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Định kỳ hàng tháng/quý/năm, Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị các báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch, kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt thì đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát.

4. Căn cứ kết quả kiểm tra, Ban kiểm soát kiến nghị với Giám đốc để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Giám đốc xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Giám đốc.

6. Giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Ban kiểm soát tham gia cùng đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết.

## **Điều 26. Mối quan hệ với các Phòng chức năng trong Công ty**

1. Các Phòng chức năng phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

2. Trưởng các Phòng chức năng được kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực và hợp pháp của các tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

3. Trưởng các Phòng chức năng có thể thông báo cho Ban kiểm soát khi phát hiện có các sai phạm, rủi ro, thất thoát về tài sản tại Phòng mình.

## **CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 27. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung**

1. Quy chế này gồm 7 Chương 27 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày .....
2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát và chỉ có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
Số: 09/TTr-HĐQT-PVBLD

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc xin chấp thuận ký kết Hợp đồng với người có liên quan**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Sau khi xem xét nội dung Tờ trình số 07/TTr-PVBLD ngày 28/02/2023 của Giám đốc Công ty về việc báo cáo và xin chủ trương ký kết Hợp đồng mua bán hạt nhựa PP giữa Công ty với người có liên quan, Hội đồng quản trị nhận thấy Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất năm 2023 với Công ty cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn sẽ phát sinh giá trị giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Quý cổ đông Công ty xem xét chấp thuận:

Ký kết Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất năm 2023 với Công ty cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn (có Tờ trình số 07/TTr-PVBLD ngày 28/02/2023 và hồ sơ kèm theo);

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên (theo danh sách cổ đông);
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Tuấn Anh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Số: 07/TTr-PVBLD

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 02 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc báo cáo và xin chủ trương ký kết Hợp đồng  
mua bán hạt nhựa PP giữa Công ty với người có liên quan**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 14/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2022.

Hiện tại, PV Building đã nhận được dự thảo Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất năm 2023 của Công ty cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn, Giám đốc Công ty đã nhanh chóng triển khai tìm hiểu và đàm phán với các khách hàng có nhu cầu tiêu thụ PP trong năm 2023.

Xét thấy, đây là lĩnh vực Công ty có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện và đạt hiệu quả; Công ty xác định sẽ tiến hành đàm phán ký kết với BSR (cổ đông sở hữu 83,26 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại PV Building) Hợp đồng này.

Giám đốc kính báo cáo và xin chủ trương Hội đồng quản trị Công ty về nội dung này để có cơ sở thực hiện đúng quy định của pháp luật về ký kết Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan (Đính kèm dự thảo Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất năm 2023).

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BKS (để b/c);
- Các PGĐ (để biết)
- Lưu: VT, KD.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Xuân Thu**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN SẢN PHẨM  
POLYPROPYLENE DUNG QUẮT NĂM 2023**

Số: ...../BSR-PVBLD

- ❖ Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 - Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- ❖ Căn cứ Luật Thương mại – Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;
- ❖ Căn cứ Chính sách bán sản phẩm hiện hành của BSR;
- ❖ Căn cứ kết quả bán đấu giá PP có nguồn gốc từ nhà máy lọc dầu Dung Quất cho giai đoạn 01/01/2023 – 31/12/2023;
- ❖ Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên;

Hôm nay, ngày .... tháng .... năm 2022, tại văn phòng Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, chúng tôi gồm có:

**BÊN BÁN : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SON (BSR)**

Địa chỉ : 208 Hùng Vương, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại : 0255. 3825825 Fax: 0255. 3825826

Tài khoản : 5701.0000.6.99999

Tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi

Mã số thuế : 4300378569

Đại diện : Ông Nguyễn Việt Thắng Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định ủy quyền số 900/QĐ-BSR ngày 29/3/2022)

**BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
(PVBLD)**

Địa chỉ : KĐT mới Vạn Tường – Bình Sơn – Quảng Ngãi

Điện thoại : 0255-3612468 Fax: 0255-3612469

Tài khoản số : 0271.0.04.445.559 tại Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ngãi

Mã số thuế : 4300429492

Đại diện : Ông Trần Xuân Thu Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi thỏa thuận, hai Bên thống nhất ký hợp đồng mua bán Polypropylene (PP) năm 2023 với các điều khoản sau:

### Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

Bên bán đồng ý bán và Bên mua đồng ý mua các sản phẩm hạt nhựa Polypropylene (PP) do Bên bán sản xuất tại Nhà máy PP Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi với khối lượng hàng và tiêu chuẩn hạt nhựa như sau:

#### 1.1 Khối lượng chi tiết

Thời hạn giao/nhận hàng tháng	Từ ngày 01-15 hàng tháng	Từ ngày 16-cuối tháng	Tổng
Khối lượng min (tấn/tháng) ( $\pm 5\%$ )	600	610	1.210
Khối lượng max (tấn/tháng) ( $\pm 5\%$ )	1.000	1.000	2.000
Chủng loại	T3034		

Khối lượng giao nhận và thanh toán thực tế dựa vào Phiếu xuất kho thành phẩm.

Hàng tháng, Bên bán sẽ thông báo khối lượng bao tiêu theo mức Min, trong trường hợp sản lượng sản xuất của Nhà máy tăng thêm, Bên bán sẽ thông báo khối lượng tăng thêm và Bên mua xác nhận lại khả năng tiêu thụ bằng văn bản để làm cơ sở thực hiện.

#### 1.2 Tiêu chuẩn chất lượng

### POLYPROPYLENE - LOẠI BĂNG DẪI - T3034 - TAPE TYPE - FLAT YARN (RAFFIA)

TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Test</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Mức chất lượng <i>Results</i>
1	Chỉ số dòng nóng chảy (230°C/2,16 kg) / <i>Melt flow rate (230°C/2.16 kg)</i>	ASTM D 1238	g/10 phút <i>g/10 min</i>	2,80 - 4,20
2	Hệ số đẳng cấu / <i>Isotactic Index</i>	MCI PP-F-107	%	$\geq 96,0$
3	Độ trắng / <i>Whiteness</i>	MCI PP-F-127-3	/	$\geq 60$
4	Mật độ khối / <i>Bulk density</i>	MCI PP-F-103	kg/m <sup>3</sup>	Báo cáo <i>Report</i>
5	Hàm lượng bay hơi / <i>Volatile loss</i>	MCI PP-F-115	%	$\leq 0,200$
6	Hình dạng / <i>Appearance</i>	QAC-WI-PP000-015	/	/
	Điểm đen / <i>Black spot</i>		cái/kg <i>ea/kg</i>	Báo cáo <i>Report</i>



TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Test</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Mức chất lượng <i>Results</i>
	Hạt khác màu / <i>DC pellet</i>		cái/kg <i>ea/kg</i>	Báo cáo <i>Report</i>
	Hạt chùm lớn / <i>Large sticking pellet</i>		cái/kg <i>ea/kg</i>	Báo cáo <i>Report</i>
	Hạt chùm nhỏ / <i>Small sticking pellet</i>		cái/kg <i>ea/kg</i>	Báo cáo <i>Report</i>
	Hạt có đuôi / <i>Whisker</i>		cái/kg <i>ea/kg</i>	Báo cáo <i>Report</i>
	Tóc tiên / <i>Angel hair</i>		cái/kg <i>ea/kg</i>	Báo cáo <i>Report</i>
	Da rắn / <i>Snake-skin</i>		cái/kg <i>ea/kg</i>	Báo cáo <i>Report</i>
	Vật lạ / <i>Foreign matter</i>		cái/kg <i>ea/kg</i>	Báo cáo <i>Report</i>

## Điều 2: Giá cả và điều kiện thanh toán

### 2.1 Công thức giá:

$$P = (\text{ICIS CFR S.E.A} + \text{Pre}) \times (1 + \% \text{GTGT}) \times \text{Tỷ giá (VNĐ)}$$

Trong đó:

- P: là đơn giá bán cho một tấn PP tại kho Nhà máy PP Dung Quất theo điều kiện giao nhận FCA kho nhà máy PP Dung Quất (Incoterms 2020) (VNĐ).
- ICIS CFR S.E.A: là giá ICIS CFR S.E.A (dutable\*) và được hiểu là Giá trung bình trong 03 tuần của giá Polypropylene Homo CFR về các cảng Đông Nam Á theo thống kê của ICIS-LORR: 01 tuần trước tuần của ngày phát hành Phiếu xuất kho, tuần phát hành Phiếu xuất kho và 01 tuần sau tuần của ngày phát hành Phiếu xuất kho. Giá tuần được hiểu là giá bình quân của mức giá thấp nhất và cao nhất theo công bố của ICIS-LORR. Giá ICIS CFR S.E.A (dutable\*) được công bố tại Tạp chí ICIS LORR.
- Pre: là mức phụ phí như sau:

Chủng loại	Khối lượng (tấn/tháng) (±5%)		Pre 2023 (USD/tấn)	Bảng chữ
	Khối lượng min	Khối lượng max		
T3034	1.210	2.000	-10,5	Âm mười phẩy năm đô la Mỹ/tấn

- GTGT: Là thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tỷ giá: Là tỷ giá USD/VND bán ra (tỷ giá cuối ngày) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày có đủ giá tính cho lô hàng.

## **2.2 Phương thức thanh toán:**

Bên mua thanh toán cho Bên bán bằng Đồng Việt Nam theo hình thức L/C nội địa. Trị giá thanh toán được quy đổi theo tỷ giá USD/VND bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm có đủ giá để Bên bán phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên mua. Phí ngân hàng do Bên mua chịu.

## **2.3 Phát hành hóa đơn:**

Hóa đơn giá trị gia tăng sẽ được Bên bán phát hành cho Bên mua sau mỗi tuần giao hàng (sau khi có đủ giá của tuần giao hàng) theo số lượng hàng thực tế Bên mua đã nhận (tuần giao hàng được tính từ Chủ nhật đến thứ Bảy) trên cơ sở số lượng hàng giao nhận mỗi tuần căn cứ theo Phiếu xuất kho của Bên bán. Hóa đơn điện tử do BÊN BÁN phát hành và BÊN MUA tự in tại trang website <https://bsr-tt78.vnpt-invoice.com.vn>;

## **2.4 Thời hạn thanh toán:**

Bên mua có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên bán trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày lịch kể từ ngày ký Phiếu xuất kho. Trường hợp việc giao nhận lô hàng kéo dài hơn 01 ngày trong tuần thì ngày bắt đầu tính thời hạn thanh toán là ngày chính giữa của tuần giao hàng.

Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ Bảy thì việc thanh toán được thực hiện vào ngày thứ Sáu liền kề trước đó. Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày Chủ Nhật thì việc thanh toán được thực hiện vào ngày thứ Hai liền kề sau đó. Trường hợp ngày thanh toán rơi vào kỳ nghỉ lễ, nghỉ Tết thì việc thanh toán được thực hiện vào ngày làm việc đầu tiên kế tiếp của ngân hàng.

## **2.5 Bộ chứng từ thanh toán:**

### **2.5.1 Hồ sơ cung cấp cho BÊN MUA:**

Bên bán có trách nhiệm chuyển bộ hồ sơ thanh toán cho Bên mua trong vòng 10 (mười) ngày lịch kể từ ngày có giá. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Hóa đơn điện tử do Bên bán phát hành và Bên mua tự in tại trang website <https://bsr-tt78.vnpt-invoice.com.vn>;
- Phiếu xuất kho thành phẩm (Đã giao cho BÊN MUA lúc giao hàng);

### **2.5.2 Hồ sơ thanh toán L/C nội địa bao gồm:**

- Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc hoặc bản ký điện tử);
- Hóa đơn điện tử (bản copy);
- Bảng tổng hợp khối lượng xuất bán của BÊN BÁN theo tuần giao hàng (bản ký điện tử).

## **Điều 3. Thư tín dụng nội địa và bảo lãnh thực hiện hợp đồng**

### **3.1 Thư tín dụng nội địa**



### 3.1.1 Yêu cầu về việc bảo đảm thanh toán:

Trong vòng 03 ngày làm việc trước khi nhận hàng, BÊN MUA phải cung cấp cho BÊN BÁN thư tín dụng nội địa (L/C nội địa) cho nửa tháng/1 tháng nhận hàng theo mẫu của Ngân hàng được BÊN BÁN chấp thuận.

### 3.1.2 Yêu cầu đối với L/C nội địa được BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN:

BÊN MUA phát hành L/C nội địa cho nửa tháng/1 tháng nhận hàng, giá trị L/C được tính bằng 105% giá trị cho nửa tháng/1 tháng nhận hàng tại thời điểm mở L/C (căn cứ vào giá bình quân của 3 tuần trước tuần thực hiện mở L/C). Hiệu lực của L/C nội địa có giá trị kể từ ngày mở đến thời hạn tối thiểu 60 ngày kể từ ngày nhận hàng muộn nhất của L/C.

Ngân hàng phát hành L/C nội địa do BÊN MUA chỉ định và BÊN BÁN chỉ chấp thuận L/C nội địa được phát hành bởi các ngân hàng Vietcombank, Viettinbank, BIDV hoặc các ngân hàng giao dịch nằm trong danh sách được BÊN BÁN phê duyệt. Các ngân hàng khác phải được sự xem xét, chấp thuận của BSR. Phí ngân hàng sẽ do BÊN MUA chịu.

### 3.1.3 Trường hợp BÊN MUA không cung cấp cho BÊN BÁN L/C nội địa hoặc L/C nội địa được cung cấp không phù hợp với toàn bộ các yêu cầu như quy định tại Điều 3.1.2 của HỢP ĐỒNG, BÊN BÁN có quyền không giao cho BÊN MUA một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG như đã cam kết tại Điều 1 của Hợp đồng này và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm hợp đồng như quy định tại Điều 6.1 của Hợp đồng này.

### 3.1.4 Trường hợp BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN L/C nội địa không đúng hạn theo yêu cầu như quy định tại Điều 3.1.1 của Hợp đồng này, BÊN BÁN có quyền dời ngày giao HÀNG dự kiến cho BÊN MUA đến khi nhận được L/C nội địa của BÊN MUA và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc chậm giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm hợp đồng như quy định tại HỢP ĐỒNG.

### 3.1.5 Trong trường hợp tổng giá trị của lô hàng khác so với giá trị của L/C thì việc thanh toán giá trị cho các lô hàng căn cứ vào hóa đơn do BÊN BÁN phát hành.

## 3.2 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

Trước ngày giao nhận chuyên HÀNG đầu tiên, Bên mua cung cấp cho Bên bán bản gốc Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng phát hành. Bên bán chấp thuận bảo lãnh thực hiện hợp đồng được phát hành bởi một trong các ngân hàng VietcomBank, Vietinbank, BIDV và các ngân hàng giao dịch nằm trong danh sách được Bên bán phê duyệt. Các ngân hàng khác nằm ngoài danh sách phải được sự xem xét, chấp thuận của Bên bán. Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị được tính bằng 15% (mười lăm phần trăm) khối lượng min HÀNG nhận bình quân của một tháng nhân với đơn giá HÀNG xác định tại thời điểm mở bảo lãnh (giá bình quân của 3 tuần trước tuần thực hiện mở bảo lãnh). Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực đến hết ngày 15/01/2024. Mọi chi phí liên quan tới bảo lãnh Ngân hàng do Bên mua chịu.

## Điều 4: Hàng hoá, bao bì & đóng gói



Hàng hóa: Bên bán cung cấp cho Bên mua các sản phẩm Polypropylene (PP) do Bên bán sản xuất tại Nhà máy PP Dung Quất.

Bên bán đảm bảo cung cấp hàng hoá đúng chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng cơ sở mà Bên bán công bố, phù hợp với các quy định về quản lý chất lượng và luật pháp Việt Nam.

Đóng gói: Sản phẩm được đóng gói 25kg/bao với dung sai theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất thiết bị công nghệ, tiêu chuẩn bao bì và mẫu mã do Bên bán quy định.

Hàng hoá do Bên bán cung cấp cho Bên mua phải kèm theo: Phiếu xuất kho (01 bản gốc), chứng thư chất lượng sản phẩm (03 bản copy); Các sản phẩm khuyến mãi của Bên bán (nếu có); Các giấy tờ cần thiết khác (nếu có).

## **Điều 5: Quyền và trách nhiệm của Bên bán**

### **5.1 Trách nhiệm của Bên bán:**

- 5.1.1 Đảm bảo cung cấp hàng hoá đúng chủng loại, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật công bố của Bên bán.
- 5.1.2 Cập nhật cho Bên mua các thông tin về sản phẩm; Hỗ trợ tư vấn kỹ thuật cho Bên mua về sản phẩm PP do Bên bán sản xuất.
- 5.1.3 Cung cấp đầy đủ và đúng hạn các sản phẩm theo yêu cầu đặt hàng của Bên mua và đã được Bên bán chấp thuận.
- 5.1.4 Khi Nhà máy gặp sự cố phải dừng sản xuất, chậm nhất 02 ngày làm việc Bên bán phải thông báo bằng văn bản cho Bên mua.
- 5.1.5 Bên bán cung cấp cho Bên mua chứng nhận nguồn gốc hàng hóa và quy trình sản xuất hạt nhựa PP Dung Quất nếu Bên mua yêu cầu.

### **5.2 Quyền của Bên bán:**

- 5.2.1 Có quyền từ chối các phương tiện/ nhân lực nhận hàng của Bên mua không đảm bảo an toàn theo các quy định của Bên bán.
- 5.2.2 Có quyền yêu cầu Ngân hàng thanh toán bằng bảo lãnh thanh toán quy định tại Điều 3 của Hợp đồng trong trường hợp Bên mua thanh toán chậm hoặc thanh toán không đầy đủ so với thời hạn quy định.
- 5.2.3 Trong trường hợp Nhà máy gặp sự cố kỹ thuật, hay trường hợp phải ngừng Nhà máy thì Bên bán không có trách nhiệm phải bổ sung nguồn hàng bị thiếu theo hợp đồng.
- 5.2.4 Trong trường hợp Bên bán đánh giá những chủng loại PP khác phù hợp với cấu hình sản xuất của nhà máy PP Dung Quất mang lại hiệu quả cao hơn cho Bên bán và Bên mua cũng như phù hợp với nhu cầu nội địa, Bên bán và Bên mua sẽ đàm phán lại giá và khối lượng của chủng loại PP này.
- 5.2.5 Trong trường hợp BÊN MUA chậm/hủy nhận hàng theo kế hoạch hàng tháng, BÊN BÁN có quyền xem xét điều chỉnh giảm tương ứng lượng hàng nhận theo kế hoạch của Hợp đồng ở tháng/Quý sau.

## **Điều 6: Quyền và trách nhiệm của Bên mua**

### **6.1 Trách nhiệm của Bên mua:**



- 6.1.1 Bên mua đảm bảo có đủ khả năng và điều kiện kinh doanh theo pháp luật Việt Nam và tuân thủ các điều khoản được quy định tại Hợp đồng này.
- 6.1.2 Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, lưu trữ và lưu thông hàng hoá. Bên bán không chịu trách nhiệm về các vi phạm pháp luật này của Bên mua (nếu có).
- 6.1.3 Cam kết nhận hàng theo kế hoạch nhận hàng được hai Bên thỏa thuận. Trong trường hợp Bên mua không nhận Hàng theo quy định của Hợp đồng, Bên bán có quyền phạt Bên mua khoản tiền tương đương 08% (tám phần trăm) giá trị khối lượng hàng không nhận, đồng thời Bên mua chịu mọi thiệt hại phát sinh gây ra cho Bên bán do việc không nhận hàng đúng cam kết làm ảnh hưởng đến công tác vận hành sản xuất của Nhà máy Bên bán.
- 6.1.4 Bên mua chịu trách nhiệm giải phóng hàng hóa khỏi kho không để ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Bên bán, nếu không Bên mua phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh trực tiếp gây ra cho Bên bán.
- 6.1.5 Tự tổ chức phân phối bán hàng tại các điểm bán hàng của Bên mua phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
- 6.1.6 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên bán theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.1.7 Khi nhận hàng của Bên bán, Bên mua có quyền kiểm tra hàng hóa. Nếu phát hiện hàng hóa được giao không đúng tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng thì Bên mua lập biên bản và thông báo lại với Bên bán và Bên mua có quyền từ chối nhận hàng không đúng quy cách, chất lượng.
- 6.1.8 Ký và xác nhận công nợ phát sinh do giao dịch kinh doanh với Bên bán vào cuối mỗi tháng. Mọi thắc mắc phản hồi về công nợ phải được gửi bằng văn bản cho Bên bán trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bên bán gửi bản xác nhận công nợ tới Bên mua, nếu hết thời gian này mà Bên bán vẫn không nhận được phản hồi từ Bên mua thì đương nhiên Bên mua chấp nhận số liệu do Bên bán cung cấp. Nếu Bên mua không ký xác nhận công nợ thì Bên bán có quyền ngừng việc cung cấp hàng cho đến khi giải quyết xong công nợ phát sinh, ngoại trừ trường hợp Bên mua không ký xác nhận công nợ xuất phát từ lỗi của Bên bán.
- 6.1.9 Tự mua bảo hiểm và chịu mọi rủi ro về hàng hóa từ khi hàng được giao lên phương tiện của Bên mua tại kho Bên bán.
- 6.1.10 Tự chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến Bên thứ 3 trong quá trình phân phối của Bên mua.
- 6.1.11 Có trách nhiệm xây dựng hệ thống phân phối đảm bảo tiêu thụ hết sản phẩm do Bên bán cung cấp. Cung cấp các thông tin về kho hàng, hệ thống phân phối, các thị trường xuất khẩu hàng hóa của Bên bán (nếu có) khi nhận được yêu cầu của Bên bán.
- 6.1.12 Tuân thủ các nội quy, quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường, an ninh và phòng cháy chữa cháy (AT-SK-MT & PCCC) của Bên bán trong quá trình nhận hàng. Trong trường hợp nhân sự của Bên mua vi phạm quy định về AT-SK-MT & PCCC phải chấp hành hình thức, mức độ xử phạt quy định tại Quy trình quản lý an toàn nhà thầu hiện hành của Bên bán.



6.1.13 Trong trường hợp Nhà máy gặp sự cố kỹ thuật, trường hợp phải ngừng Nhà máy thì Bên mua có trách nhiệm tự thu xếp nguồn hàng bằng chi phí của mình.

## **6.2 Quyền của Bên mua:**

6.2.1 Được quyền quyết định giá bán cho bên thứ 3 các sản phẩm do Bên bán cung cấp.

6.2.2 Được quyền lựa chọn các thị trường đầu ra trong và ngoài nước nhằm đảm bảo việc tiêu thụ hàng hóa theo kế hoạch của Bên mua.

## **Điều 7: Giải quyết tranh chấp**

7.1 Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên sẽ cố gắng cùng nhau bàn bạc tìm phương án giải quyết trên tinh thần hoà giải, bình đẳng và cùng có lợi.

7.2 Trường hợp hai Bên không giải quyết bằng thương lượng được thì hai Bên sẽ đưa vụ việc đến giải quyết tại Toà án cấp có thẩm quyền. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng và có giá trị ràng buộc thực hiện với các Bên. Án phí do bên có lỗi chịu. Trong thời gian chờ quyết định của Toà án, hai Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng này.

## **Điều 8: Thời hạn Hợp đồng**

8.1 Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 (Không tính thời gian Nhà máy thực hiện bảo dưỡng tổng thể TA5 dự kiến từ ngày 24/06/2023 – 11/08/2023) và có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hai Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng này, khi đó hợp đồng coi như được thanh lý.

8.2 Trong quá trình thực hiện, nếu Bên mua không tuân thủ kế hoạch nhận hàng làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Nhà máy thì Bên bán sẽ xem xét việc chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn.

## **Điều 9: Giao nhận và phân chia rủi ro giữa hai Bên**

9.1 Bên bán giao hàng nguyên đai nguyên kiện lên phương tiện của Bên mua tại kho Nhà máy của Bên bán. Bên mua chỉ điều động phương tiện xe somi romooc, loại xe thốt vào nhận hàng tại Phân xưởng PP.

9.2 Chi phí bốc xếp hàng lên phương tiện của Bên mua do Bên bán chịu.

9.3 Số lượng, chủng loại các mặt hàng cụ thể được Bên bán giao cho Bên mua của từng lần giao hàng căn cứ vào lệnh giao hàng, phiếu xuất kho.

9.4 Bên bán phải thông báo cho Bên mua lịch xuất hàng hàng tuần bao gồm chi tiết số lượng, chủng loại sản phẩm dự kiến của tuần tiếp theo vào thứ 3 của tuần trước đó. Không muộn hơn 02 ngày kể từ lúc nhận được thông báo Bên mua phải thông báo ngày nhận hàng chi tiết. Không muộn hơn 02 ngày Bên bán sẽ xác nhận kế hoạch nhận hàng của Bên mua.

9.5 Trong trường hợp Bên mua không nhận hàng đúng theo lịch nhận hàng đã được xác nhận thì Bên bán sẽ tính chi phí lưu kho cho lượng hàng đó với đơn giá 2.025 đồng/tấn-ngày (cho thời gian lưu kho từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 10); 3.037 đồng/tấn-ngày (thời gian lưu kho từ ngày thứ 11 đến ngày thứ 15), 3.600 đồng/tấn-ngày (thời gian lưu kho từ ngày thứ 15 đến ngày thứ 30), 4.050



đồng/tấn-ngày (thời gian lưu kho trên 30 ngày). Trong trường hợp kho chứa Bên bán không thể tiếp nhận hàng, Bên mua phải thanh toán cho Bên bán chi phí điều chuyển hàng (vận chuyển, nâng hạ, kiểm đếm,...) từ kho Bên bán sang các kho chứa khác trong Khu kinh tế Dung Quất để đảm bảo Nhà máy PP vận hành liên tục.

- 9.6 Quyền sở hữu và rủi ro về hàng hóa sẽ chuyển từ Bên bán sang cho Bên mua từ khi hàng được bốc lên phương tiện Bên mua tại kho Bên bán.
- 9.7 Bên mua không được phép tháo dỡ pallet chứa hàng trong khuôn viên kho Nhà máy PP của Bên bán để đảm bảo an ninh, an toàn của kho PP.
- 9.8 Mọi khiếu nại về chất lượng hàng chỉ được chấp thuận giải quyết nếu khiếu nại trong vòng 30 ngày lịch kể từ ngày ký Phiếu xuất kho. Trong trường hợp phát sinh khiếu nại về chất lượng, đại diện hai Bên thống nhất gửi mẫu (lưu tại BÊN BÁN, phải còn đầy đủ niêm phong, kẹp chì) cho bên thứ 3 được hai Bên thống nhất, kết quả giám định của cơ quan này là cơ sở duy nhất để giải quyết tranh chấp giữa hai Bên. Mọi chi phí liên quan đến việc phát sinh khiếu nại sẽ do Bên có lỗi chịu.
- 9.9 Khối lượng giao nhận giữa hai Bên có thể chấp nhận dung sai (tolerance) +/- 5%. Tuy nhiên, khối lượng để thanh toán là khối lượng hàng giao nhận thực tế giữa hai Bên.

#### **Điều 10: Bất khả kháng**

Không Bên nào sẽ chịu trách nhiệm cho bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ phần nào của bản Hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó bị gây ra bởi cháy nổ, bão lụt, chiến tranh, cấm vận, yêu cầu của chính phủ, quân đội, thiên tai, hay các nguyên nhân khác tương tự vượt khỏi tầm kiểm soát của mỗi Bên và không có lỗi hay cầu thả của Bên chậm trễ hay vi phạm.

Bên chịu ảnh hưởng sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản trong mười (10) ngày sau khi bất cứ nguyên nhân nào kể trên bắt đầu tác động lên việc thực hiện. Mặc dù vậy, nếu việc thực thi hợp đồng của một Bên mua chậm trễ trong một thời hạn quá ba mươi (30) ngày từ ngày Bên kia nhận được thông báo theo điều khoản này, Bên không bị ảnh hưởng sẽ có quyền, không có bất cứ trách nhiệm nào với Bên kia, chấm dứt bản Hợp đồng này.

Bất khả kháng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và giải quyết theo luật hiện hành.

#### **Điều 11: Điều khoản chung**

- 11.1 Những vấn đề không quy định hoặc quy định chưa đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ tuân thủ theo luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 11.2 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hợp đồng này, mọi thay đổi trong hợp đồng phải được hai Bên bàn bạc nhất trí và được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của cả hai Bên.
- 11.3 Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ 3 nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.
- 11.4 Hai Bên cam kết không cung cấp bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp đồng



này và các thông tin có liên quan cho Bên thứ 3 trừ khi nhận được yêu cầu của các cơ quan pháp luật hoặc được sự đồng ý của Bên kia.

- 11.5 Nếu có khó khăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia biết trong vòng 07 (bảy) ngày để cùng nhau giải quyết. Bên nào cố tình chậm trễ phải chịu trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại về kinh tế cho Bên kia theo pháp luật hiện hành.
- 11.6 Các phụ lục của Hợp đồng này phải được ký bằng văn bản và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- 11.7 Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản gốc, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

*Lưu ý: Mẫu của Phụ lục 01 có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của Ngân hàng phát hành thư bảo đảm thanh toán.*

### **PHỤ LỤC 01**

### **BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

HĐKT số: \_\_\_\_\_/BSR-

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn  
(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của [ghi tên khách hàng] (sau đây gọi là khách hàng) là khách hàng đã trúng đấu giá mua PP Dung Quất và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng mua bán PP Dung Quất (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(2)</sup>

Theo quy định trong HSMĐG (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, [ghi tên của ngân hàng] ở [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là [ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.

## **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### Ghi chú:

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh, thì bên mời thầu phải báo cáo người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ về việc cung cấp [mô tả hàng hóa] (sau đây gọi là hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail.